



**BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN
ANNUAL
REPORT
2011**

MỤC LỤC

04	TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
06	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
08	BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
10	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
18	CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN
20	NGÂN HÀNG BÁN LẺ
24	NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

28	KINH DOANH TIỀN TỆ
30	QUẢN LÝ RỦI RO
34	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
36	TÁC NGHIỆP TẬP TRUNG
38	NGUỒN NHÂN LỰC
40	MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG
44	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
45	BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Xác định tầm nhìn 2015 là “trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu về chủng loại sản phẩm và chất lượng dịch vụ”.

SỨ MỆNH

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, đề cao tính chuẩn mực trong quản trị điều hành và hoạt động, đảm bảo mức độ cao nhất về chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng thông qua đó tạo giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, lợi ích dài hạn cho nhân viên và thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

• **Chuẩn mực toàn diện:** BAOVIET Bank hướng tới những chuẩn mực để xây dựng một ngân hàng hiện đại, đó là chuẩn mực về mô hình tổ chức, mô thức quản trị, chuẩn mực về công nghệ, chuẩn mực về dịch vụ ngân hàng, và chuẩn mực về môi trường làm việc chuyên nghiệp.

• **Sáng tạo không ngừng:** BAOVIET Bank coi sáng tạo là chìa khóa của thành công trong môi trường kinh doanh ngân hàng đầy cạnh tranh và biến động. Là một ngân hàng mới đi vào hoạt động, yếu tố “sáng tạo”, sự năng động sẽ giúp BAOVIET Bank tạo ra những bước tiến cần thiết trong quá trình phát triển của mình, đảm bảo cạnh tranh hiệu quả.

• **Hiệu quả bền vững:** BAOVIET Bank ưu tiên cho các nỗ lực, những đóng góp thiết thực để tạo ra hiệu quả bền vững. Ngoài việc đặt ra những mục tiêu hiệu quả mang tính áp lực cao cho hoạt động kinh doanh của mình, BAOVIET Bank thực sự coi trọng việc đánh giá đúng rủi ro và xây dựng nguồn lực, năng lực cần thiết cho việc duy trì hiệu quả bền vững cho nhiều năm tiếp theo.

• **Đồng lòng chia sẻ:** BAOVIET Bank đề cao tính hợp tác, sự đồng lòng, ý thức xây dựng niềm tin trong các mối quan hệ nội bộ cũng như các giao dịch với đối tác khác nhau. BAOVIET Bank tin tưởng vào sự thành công của một tập thể có năng lực và biết hợp tác, chia sẻ; Kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào khả năng am hiểu các đối tác, bạn hàng, từ đó có thể cùng đưa các giải pháp phù hợp, tạo lập trên cơ sở sự tin tưởng giữa các bên.

Hoạt động với phương châm “**Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền**”, Ban lãnh đạo cùng tập thể đội ngũ nhân viên của BAOVIET Bank cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với chất lượng tốt nhất trong từng khâu phục vụ dựa trên nền tảng công nghệ quản trị ngân hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông và toàn xã hội.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với các hoạt động kinh tế nói chung và với thị trường tài chính ngân hàng nói riêng. Trong cuộc đại phẫu thuật "tái cấu trúc" nền kinh tế, ngành ngân hàng sẽ có những sàng lọc, hợp nhất, sát nhập tất yếu. Tuy nhiên, cơ hội kinh doanh mới sẽ mở ra cho các tổ chức nhanh nhạy, sáng tạo trên thị trường.

Trước những dự báo, phân tích về tình hình nói trên, BAOVIET Bank xác định mục tiêu ổn định, bền vững và duy trì tăng trưởng hợp lý. Với mức vốn điều lệ mới trên 3.000 tỷ đồng, năm 2012 sẽ là năm bản lề để BAOVIET Bank bước vào giai đoạn mới. Ngân hàng sẽ tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau: tiếp tục củng cố, kiện toàn mô hình tổ chức và quản trị điều hành; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; phát triển kinh doanh hiệu quả trên cơ sở đảm bảo an toàn; nâng cao chất lượng quản lý rủi ro, kiểm soát nợ xấu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin ngân hàng hiện đại; phát triển các sản phẩm, dịch vụ; phát huy thế mạnh trong mối quan hệ với các đơn vị thành viên Tập đoàn;... từ đó tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế, phát huy các lợi thế để hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

Phát huy tinh thần tự hào về thương hiệu Bảo Việt với gần 50 năm phát triển, cùng với sự tin tưởng, hỗ trợ, ủng hộ quý báu của Quý khách hàng, Quý cổ đông và Cơ quan quản lý nhà nước các cấp, BAOVIET Bank quyết tâm hướng đến những kết quả hoạt động kinh doanh tốt, tạo tiền đề cho việc thực hiện thành công chiến lược kinh doanh của ngân hàng, xây dựng BAOVIET Bank trở thành một ngân hàng có sức cạnh tranh cao theo phương châm: **"An toàn - Hiệu quả"**.

Xin chúc toàn thể quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!



Kính thưa các Quý vị,

Năm 2011, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng đã phải đối mặt với những thách thức lớn nhất trong thời kỳ đổi mới, đó là lạm phát tăng cao, thâm hụt thương mại, đầu tư công kém hiệu quả, ảnh hưởng tiêu cực từ sự suy thoái của nền kinh tế thế giới... Trong bối cảnh đó, là ngân hàng mới đi vào hoạt động được 3 năm, BAOVIET Bank cũng gặp không ít khó khăn và áp lực trong hoạt động kinh doanh.

Trong điều kiện như vậy, kết quả kinh doanh năm 2011 của BAOVIET Bank chưa thực sự được như kỳ vọng. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã hoàn thành tốt, cụ thể là số lượng khách hàng tăng nhanh, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát, đặc biệt là thanh khoản luôn được đảm bảo... Chính vì vậy, BAOVIET Bank được Ngân hàng Nhà nước xếp vào nhóm 2 – nhóm ngân hàng hoạt động lành mạnh, ổn định và an toàn với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 15%.

Bà **Nguyễn Thị Phúc Lâm**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2011, với chính sách hạn chế phát triển mạng lưới của Ngân hàng Nhà nước, BAOVIET Bank đã đưa vào hoạt động thêm 4 đơn vị kinh doanh nâng tổng số điểm giao dịch của BAOVIET Bank lên con số 30 trên cả nước.

Năm 2012 tiếp tục là năm có khá nhiều thách thức cho các ngân hàng về một số vấn đề như xử lý nợ xấu, áp lực tái cơ cấu để nâng cao năng lực tài chính, những khó khăn từ chính sách thắt chặt tiền tệ và quy mô tăng trưởng tín dụng. Trước bối cảnh đó, trong năm 2012 BAOVIET Bank sẽ tập trung cho mục tiêu “An toàn và Hiệu quả” trong hoạt động kinh doanh, với một số định hướng cơ bản như sau:

- **Về tổ chức bộ máy:** kiện toàn mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động để vận hành một cách hiệu quả theo nguyên tắc quản lý tập trung cao theo Khối.
- **Về hoạt động kinh doanh:** đẩy mạnh huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư; tiếp tục hướng đến các đối tượng khách hàng là doanh nghiệp lớn và vừa để phát triển tín dụng; hợp tác hiệu quả hơn với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt.
- **Về công nghệ ngân hàng:** đẩy mạnh việc phát triển các tiện ích ngân hàng điện tử và các sản phẩm thẻ; chú trọng quản trị hệ thống để bảo đảm an toàn hệ thống và an ninh mạng, kết hợp với hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Tập đoàn để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống BAOVIET Bank.
- **Về quản lý rủi ro:** hoàn thiện và nâng cấp các chính sách, công cụ quản trị rủi ro tín dụng; tăng cường hơn cho công tác giám sát và phối hợp giữa các đơn vị tác nghiệp và các đơn vị kinh doanh trong việc kiểm soát hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Trong năm 2012 BAOVIET Bank xác định mục tiêu ổn định, phấn đấu đạt mức tăng trưởng hợp lý gắn với tập trung nâng cao hơn về chất lượng quản trị điều hành ngân hàng.



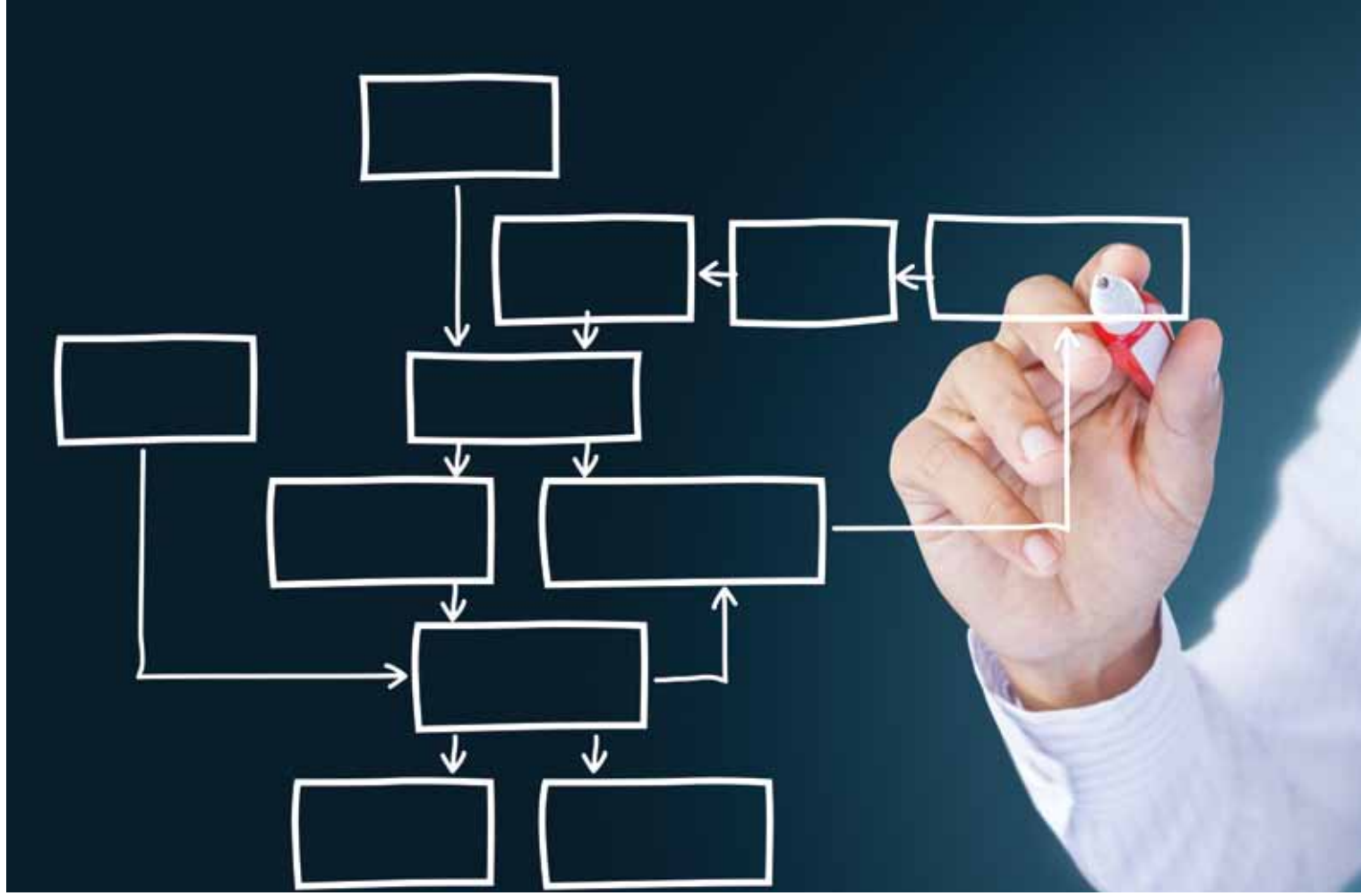
Kính thưa các Quý vị,

Năm 2011, trước tình hình lạm phát trong nước tăng cao, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp kinh tế như: chính sách tiền tệ thắt chặt, hạn chế đầu tư công, hạn chế tăng trưởng tín dụng... Điều này đã tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng nói chung và các NHTM nói riêng, trong đó có BAOVIET Bank – một trong những ngân hàng trẻ nhất Việt Nam.

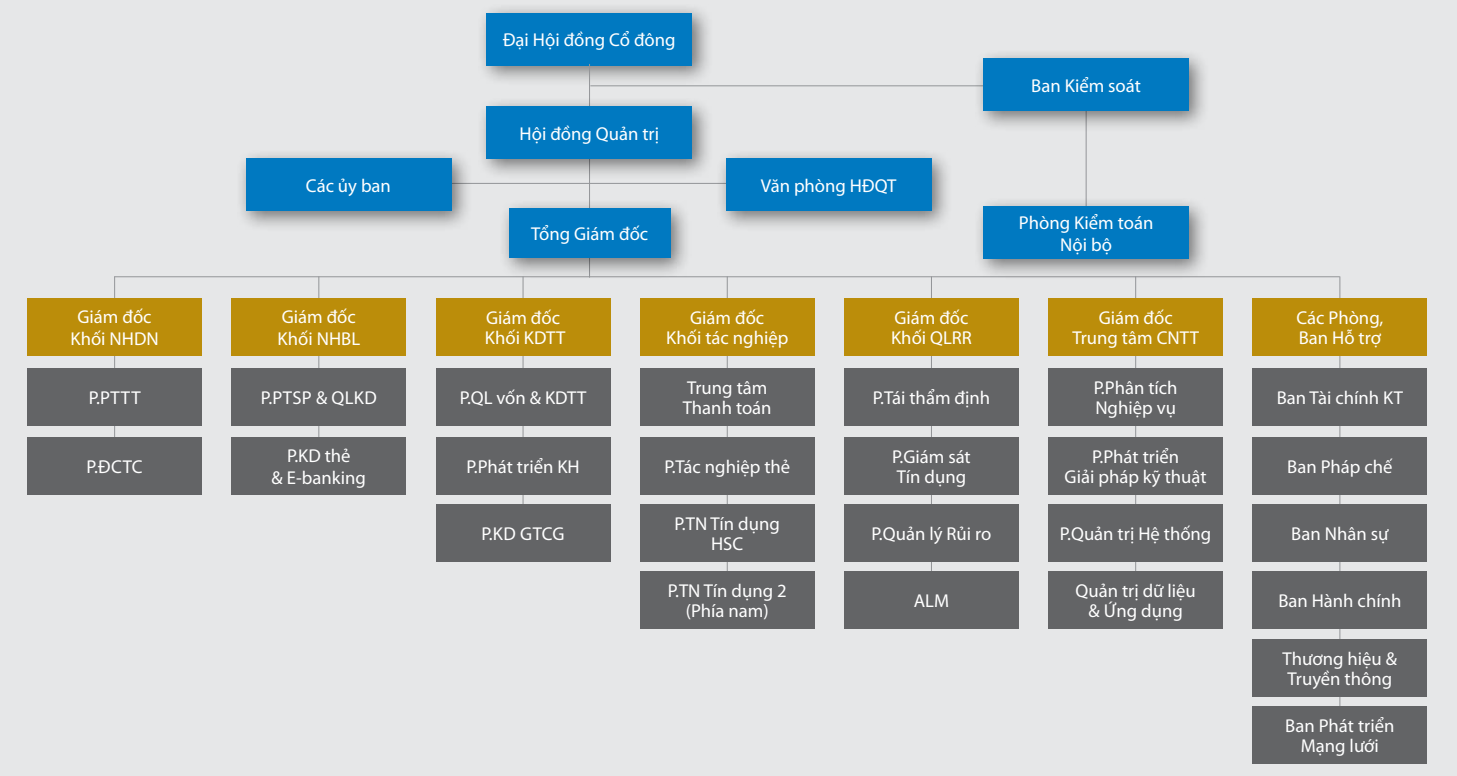
Mặc dù vậy, trong năm 2011, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và sự nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên, BAOVIET Bank đã từng bước khắc phục khó khăn, đạt được những kết quả đáng ghi nhận như sau: thanh khoản ngân hàng được đảm bảo ngay cả trong giai đoạn căng thẳng thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại vào dịp cuối năm; tổng dư nợ tín dụng đạt 6.713 tỷ đồng, tăng trưởng 20%; huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 7.030 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 154 tỷ đồng.

Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**
Q. Tổng Giám đốc

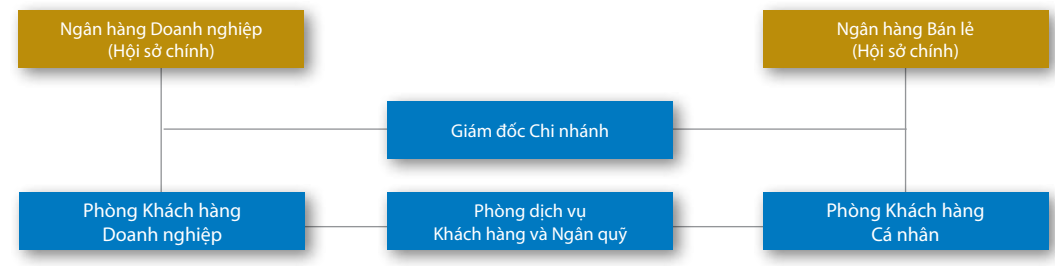
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



HỘI SỞ CHÍNH



CHI NHÁNH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị BAOVIET Bank quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngân hàng. Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề tổ chức, bộ máy điều hành của toàn ngân hàng; đưa ra các quyết định về thành lập các đơn vị thuộc BAOVIET Bank; ban hành các quy chế về tổ chức, quản trị và hoạt động trong ngân hàng theo đúng điều lệ của BAOVIET Bank đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo quyết định số 3130/QĐ-NHNN ngày 16/12/2008.

Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên.



Bà **NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Kinh tế



Ông **LÊ TRUNG HƯNG**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản lý Hành chính



Ông **TÔN QUỐC BÌNH**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Tiến sỹ Tin học



Bà **NGÔ THỊ THU TRANG**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



Ông **DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Tài chính

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của BAOVIET Bank hội tụ các thành viên được đào tạo căn bản trong và ngoài nước, từng đảm nhận những vị trí quan trọng tại các định chế tài chính có uy tín tại Việt Nam.

Ban Điều hành của BAOVIET Bank gồm 6 thành viên.



Ông **NGUYỄN HỒNG TUẤN**
Q. Tổng Giám đốc
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



Ông **TÔN QUỐC BÌNH**
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
Tiến sỹ Tin học



Bà **NGUYỄN THỊ NGUYỆT THU**
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Khối Kinh doanh Tiền tệ
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng



Bà **TRẦN THỊ MINH HUỆ**
Phó Giám đốc Khối Tác nghiệp
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng



Bà **NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG**
Phó Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng



Bà **ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN**
Q. Kế toán trưởng
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của BAOVIET Bank gồm 3 thành viên.




Ông **TRẦN HOÀI PHƯƠNG**
Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



Bà **LÊ ANH PHƯƠNG**
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát
Cử nhân Kinh tế



Ông **NGUYỄN DUY KHÁNH**
Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát
Cử nhân Kinh tế



HƯỚNG TỚI SỰ
HÀI LÒNG CỦA
KHÁCH HÀNG
THÔNG QUA VIỆC
HOÀN THIỆN TỪNG
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ.

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN



STT	Một số chỉ tiêu chính	TH 2009	TH 2010	KH 2011	TH 2011	Thực hiện so với KH 2011
1	Tổng tài sản (tỷ VND)	7.270	13.718	19.000	13.225	69,61%
2	Huy động TCKT và dân cư (tỷ VND)	3.514	7.291	10.000	7.030	70,30%
3	Cho vay các TCKT và dân cư (tỷ VND)	2.256	5.615	6.700	6.713	100,19%
4	Số lượng chi nhánh	11	26	31	30	96,77%
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	76	177	200	154	77,00%
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	63	133	150	116	77,00%
7	Hệ số an toàn vốn - CAR	35%	21%	> 9%	22%	

NGÂN HÀNG BÁN LẺ

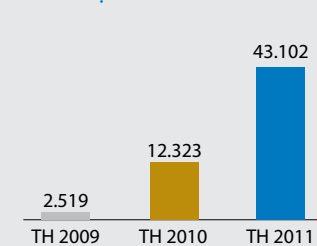


Thực hiện nghiêm túc theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt của thị trường, hoạt động của Khối Ngân hàng Bán lẻ (NHBL) đã gặp phải không ít khó khăn thách thức. Tuy nhiên, với sự linh hoạt chủ động trong quản lý kinh doanh và sự quyết tâm cao của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên, Khối NHBL vẫn đạt được những thành tích đáng ghi nhận.

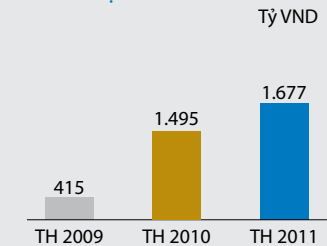
KẾT QUẢ KINH DOANH

Chịu tác động từ những diễn biến phức tạp của nền kinh tế và những thay đổi trong chính sách điều hành lãi suất huy động của Ngân hàng Nhà nước, công tác huy động vốn của Khối NHBL gặp rất nhiều trở ngại. Tuy vậy, trong năm 2011, huy động vốn của Khối NHBL lúc cao nhất đã đạt 2.300 tỷ, cuối năm đạt 1.677 tỷ, tăng 12% so với năm 2010.

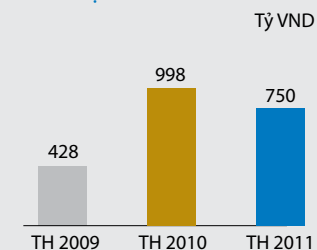
SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG



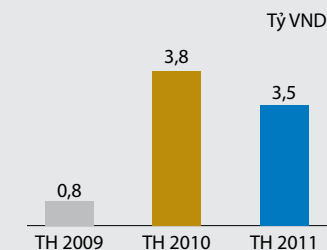
HUY ĐỘNG VỐN



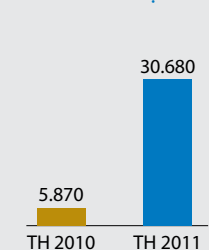
TÍN DỤNG



BANCASSURANCE



THẺ GHI NỢ



Việc ấn định tốc độ tăng trưởng tín dụng ở mức 20% và hạn chế tín dụng phi sản xuất của Ngân hàng Nhà nước khiến BAOVIET Bank phải điều chỉnh hoạt động tín dụng so với kế hoạch ban đầu. Theo đó, dư nợ tín dụng của Khối NHBL (trong đó chủ yếu là cho vay tiêu dùng cá nhân) giảm xuống còn 750 tỷ trong năm 2011, tương đương 75% năm 2010.

Doanh số bán bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) phụ thuộc rất nhiều vào tăng trưởng tín dụng. Do tăng trưởng tín dụng giảm sút, doanh số Bancassurance của Khối NHBL chỉ đạt 3.460 tỷ, giảm 10% so với năm 2010.

Tuy năm 2011 là một năm đầy khó khăn, nhưng do có được sự yêu mến tin tưởng của khách hàng dành cho BAOVIET Bank, Khối NHBL vẫn thu hút được hơn 30.000 khách hàng mới, lũy kế cả năm đạt 43.102 CIF, tăng trưởng 250% so với năm 2010. Số lượng thẻ ghi nợ đạt con số 30.680, tăng gấp hơn 4 lần so với năm trước.

CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

NỖ LỰC CẢI TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam trong tương lai, Khối NHBL đã nỗ lực không ngừng để đưa ra những sản phẩm mới, phù hợp với nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng. Trong năm 2011, Khối NHBL đã triển khai thành công thêm 8 sản phẩm mới, nâng tổng số sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân lên 47 sản phẩm.

Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Khối NHBL chú trọng phát triển và cải tiến các sản phẩm tích hợp những tính năng hiện đại và đa tiện ích, đặc biệt là các sản phẩm ngân hàng điện tử. Tiếp sau việc kết nối thành công hệ thống ATM với liên minh thẻ Smartlink, VNBC, BAOVIET Bank đã kết nối thành công hệ thống POS với BanknetVN. Hiện tại, các sản phẩm thẻ BVLink, BVIP có thể thực hiện giao dịch trên hệ thống khoảng 50.000 POS của 29 ngân hàng thuộc ba tổ chức chuyển mạch thẻ Smartlink, BanknetVN và VNBC. ATM của BAOVIET Bank không chỉ chấp nhận thẻ nội địa của tất cả các ngân hàng trong nước mà còn cho phép ứng tiền mặt cho nhiều loại thẻ quốc tế (VISA, MasterCard, JCB, CUP,...).

Các sản phẩm thẻ ghi nợ BVLink, BVIP có các tính năng như EZ-Billing, EZ-Topup, EZ-Saving cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch tài chính (thanh toán hóa đơn, gửi tiết kiệm,...) thuận tiện thông qua các phương tiện khác nhau (Internet Banking, Mobile Wap, SMS Banking). Cũng trong năm 2011, Khối NHBL triển khai thành công gói sản phẩm BVIP là sự kết hợp trọn gói, hoàn chỉnh và toàn diện các dịch vụ Tài chính - Đầu tư Bảo hiểm, mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, góp phần đa dạng hóa hệ thống sản phẩm bán lẻ tại BAOVIET Bank.

Những phát triển và cải tiến trên đã góp phần vào sự thành công của Khối NHBL trong việc nâng số lượng phát hành thẻ ghi nợ nội địa và phát triển khách hàng mới trong năm 2011.

TRIỂN KHAI NHIỀU HOẠT ĐỘNG MARKETING VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Nỗ lực không ngừng trong việc đưa sản phẩm của BAOVIET Bank đến với khách hàng, trong năm 2011, Khối NHBL đã triển khai nhiều chương trình hấp dẫn như "Mừng sinh nhật, đón Tân Mão", "Nạp tiền trả cước, rước lộc xuân về", "Thay lời tri ân", "Tích lộc tài, xài LX",... Những chương trình này đã thu hút được nhiều sự quan tâm của khách hàng,

mang lại hiệu quả rõ rệt, hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống bán lẻ và góp phần quảng bá thương hiệu BAOVIET Bank.

Khối NHBL cũng không quên thực hiện chăm sóc thường xuyên đối với khách hàng là chủ thẻ BVLink, BVIP thông qua các ưu đãi hàng tháng tại các đối tác nhà hàng, trung tâm mua sắm, chăm sóc sức khỏe... theo các chương trình hợp tác "Địa chỉ vàng" của BAOVIET Bank.

ĐA DẠNG HÓA VÀ KHAI THÁC TỐI ĐA TIỀM NĂNG ĐỐI TÁC, MỞ RỘNG CƠ SỞ KHÁCH HÀNG

Khối NHBL xác định tầm quan trọng của việc xây dựng một hệ thống các đối tác chiến lược trên nhiều phương diện. Trong lĩnh vực ngân hàng điện tử, Khối NHBL thúc đẩy việc kết nối chặt chẽ với các đối tác trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng thông qua liên minh thẻ ATM và mạng lưới POS.

Phát huy ưu thế là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, Khối NHBL đã thúc đẩy hoạt động hợp tác kinh doanh để cung cấp sản phẩm dịch vụ cho cán bộ nhân viên tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Tập đoàn như Chứng khoán Bảo Việt, Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ, Đầu tư Bảo Việt, Quản lý Quỹ Bảo Việt. Đồng thời, tận dụng uy tín vốn có từ Bảo hiểm Bảo Việt, Khối NHBL còn kết hợp với đơn vị này đưa ra các gói sản phẩm Bancassurance mang lại nhiều lợi ích trên cả hai phương diện tài chính và bảo hiểm cho khách hàng.

Bên cạnh hợp tác nội bộ, Khối NHBL cũng chủ động hợp tác với đối tác là các khách hàng doanh nghiệp BAOVIET Bank để cung cấp các sản phẩm tiền gửi, cho vay, bảo hiểm, chứng khoán, thẻ, ngân hàng điện tử đến các cán bộ nhân viên của doanh nghiệp theo hướng đôi bên cùng có lợi. Số lượng đối tác nhờ vậy ngày càng tăng mạnh; chất lượng hợp tác được giữ vững, ổn định, tiềm năng của các đối tác được khai thác tối đa.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức trong năm 2011 nhưng Khối NHBL cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Mô hình bán lẻ từng bước được triển khai đã ghi nhận những thành công ban đầu. Các sản phẩm dịch vụ bán lẻ không ngừng được phát triển, nâng cao chất lượng đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía khách hàng. Đây là cơ sở quan trọng cho sự phát triển của Khối NHBL nói riêng và BAOVIET Bank nói chung trong năm 2012.

NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP



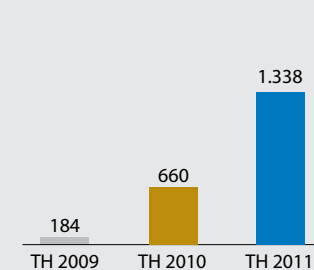
Trong bối cảnh chung nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi tăng trưởng kinh tế không đạt được như kỳ vọng, lạm phát mặc dù được kiểm chế nhưng vẫn ở mức cao, thị trường tài chính, tiền tệ vẫn diễn biến phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn, năm 2011, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp (NHDN) đã nỗ lực triển khai kế hoạch kinh doanh và đã đạt được một số kết quả nhất định.

KẾT QUẢ KINH DOANH

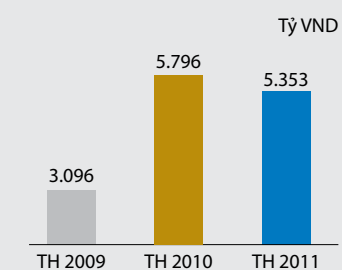
Đến 31/12/2011, BAOVIET Bank đã có 1.338 khách hàng doanh nghiệp, tăng gấp đôi năm 2010.

Huy động vốn đạt 5.353 tỷ đồng. Tuy doanh số huy động vốn còn khiêm tốn, nhưng trong bối cảnh lạm phát cao, Ngân hàng Nhà nước thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt, có thể nói, Khối NHDN đã có những thành công nhất định trong việc duy trì và phát triển các nguồn huy động truyền thống, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định của Ngân hàng Nhà nước về trần lãi suất.

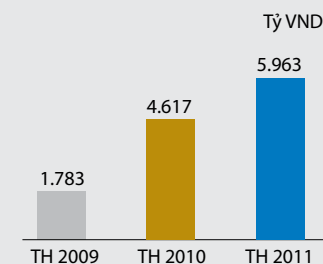
SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG



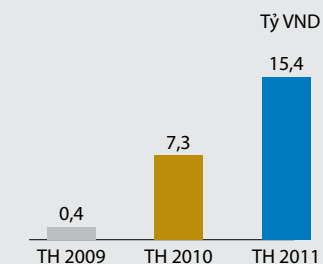
HUY ĐỘNG VỐN



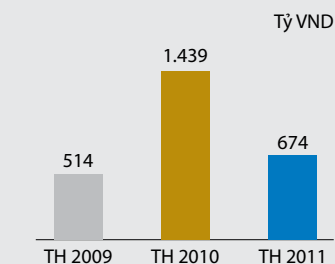
TÍN DỤNG



BANCASSURANCE



TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI



Dư nợ tín dụng đạt 5.963 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2010. Trong năm 2011, Khối NHDN đã điều hành chính sách tín dụng một cách linh hoạt để vừa đáp ứng được yêu cầu giải ngân của các khách hàng đã cấp hạn mức, phát triển khách hàng mới và đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng không vượt mức quy định của Ngân hàng Nhà nước trên toàn hệ thống.

Doanh thu từ hoạt động Bancassurance của Khối NHDN đạt 15,4 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 2010. Tuy nhiên, kết quả này chưa tương xứng với kỳ vọng và tiềm năng của BAOVIET Bank. Hoạt động Bancassurance luôn gắn chặt với hoạt động tín dụng. Do đó, mục tiêu hoạt động tín dụng an toàn trong năm 2011 phần nào đã tác động đến doanh thu bảo hiểm của Khối NHDN.

Doanh số Tài trợ Thương mại (L/C, nhờ thu, không tính chuyển tiền) đạt 674 tỷ đồng, giảm 53% so với năm 2010 và đạt 34% kế hoạch. Trong năm 2011, hoạt động Tài trợ Thương mại của Khối NHDN cũng bị ảnh hưởng do chủ trương hạn chế tăng trưởng tín dụng.

CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Trong một môi trường cạnh tranh khốc liệt, việc cung cấp được các sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng mục tiêu đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thu hút và duy trì khách hàng. Nhận thức được điều này, năm 2011 BAOVIET Bank đã xây dựng và triển khai chiến lược phát triển sản phẩm cho các khách hàng doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Phát triển toàn diện các sản phẩm truyền thống như Tín dụng, Bảo lãnh, Tiền gửi, Thanh toán và Tài trợ Thương mại;
- Phát triển chuyên sâu các sản phẩm tín dụng theo ngành, lĩnh vực, vùng miền phù hợp với từng đối tượng khách hàng như Tín dụng ngành Gạo, Cà phê, Sữa; Tín dụng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu...;
- Phát triển đa dạng các sản phẩm bổ trợ để tăng tiện ích cho khách hàng như Quản lý dòng tiền, Trả lương, Thu hộ ngân sách...;
- Phát triển các gói sản phẩm với nhiều tiện ích thỏa mãn tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng;
- Phát triển các sản phẩm có thể ứng dụng được trên nền tảng Internet Banking để tăng sự thuận tiện cho khách hàng.

Quá trình phát triển sản phẩm được thực hiện theo một quy trình khép kín từ khâu hình thành ý tưởng, thiết kế sản phẩm, thử nghiệm, triển khai đến theo dõi, đánh giá, điều chỉnh sản phẩm.

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ BÁN HÀNG CHUYÊN NGHIỆP ĐI ĐÔI VỚI PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Là một ngân hàng mới, để có thể cạnh tranh thu hút khách hàng, việc phát triển mạng lưới cần đi đôi với phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp một cách nhanh chóng. Trong năm 2011, BAOVIET Bank đã chú trọng phát triển đội ngũ bán hàng khách hàng doanh nghiệp thông qua:

- Tuyển chọn kỹ càng đội ngũ chuyên viên và quản lý quan hệ khách hàng;
- Xây dựng Mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí;
- Tổ chức đào tạo thường xuyên về sản phẩm và kỹ năng bán hàng;
- Xây dựng hệ thống theo dõi và đánh giá kết quả công việc (KPIs) của từng vị trí.

TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CHO CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH

- Xây dựng các định hướng, kế hoạch kinh doanh rõ ràng cho từng đơn vị kinh doanh;
- Xây dựng và triển khai chính sách lãi suất, chính sách khách hàng, chính sách bán hàng;
- Tổ chức các chương trình thi đua bán hàng;
- Hỗ trợ trực tiếp cho đội ngũ bán hàng trong từng giao dịch cụ thể với khách hàng.

TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT ĐỂ HẠN CHẾ RỦI RO VÀ ĐẢM BẢO YÊU CẦU TUÂN THỦ

Năm 2011 là năm Ngân hàng Nhà nước triển khai các biện pháp trong Nghị quyết 11 của Chính phủ về kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Vì vậy, bên cạnh phát triển kinh doanh, Khối NHDN cũng phối hợp với Khối Quản lý Rủi ro (QLRR) kiểm soát tốt các chỉ tiêu an toàn, tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể:

- Kiểm soát tuân thủ quy định về trần lãi suất;
- Kiểm soát tuân thủ tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm không vượt quá 20%;
- Kiểm soát tuân thủ tỷ lệ cho vay phi sản xuất dưới 22% tại thời điểm 30/06/2011 và dưới 16% tại thời điểm 31/12/2011.

KINH DOANH TIỀN TỆ



Năm 2011 là năm đặc biệt khó khăn về thanh khoản với hệ thống ngân hàng, đặc biệt với những ngân hàng vừa và nhỏ. Bảo đảm khả năng thanh khoản trở thành mục tiêu hàng đầu xuyên suốt của Khối Kinh doanh Tiền tệ (KDTT). Tuy nhiên, việc tối ưu hóa khả năng sinh lời cho ngân hàng với mức rủi ro cho phép trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường trái phiếu và thị trường ngoại hối vẫn được thực hiện sát sao và đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận:

- Trong những thời điểm khó khăn về thanh khoản (tháng 1 – 4/2011 và tháng 10 – 12/2011), BAOVIET Bank đã liên tục áp dụng các chính sách điều hành thanh khoản linh hoạt như: tham gia các giao dịch Repo trái phiếu chính phủ đúng thời điểm, linh hoạt việc sử dụng danh mục trái phiếu chính phủ hợp lý, quản lý dòng tiền một cách sát sao. Đặc biệt, BAOVIET Bank đã không “sa” vào bẫy tăng trưởng huy động nóng, chuyển dòng vốn từ thị trường II sang thị trường I, mà hiện nay hậu quả của nó rất nhiều NHTM phải gánh chịu. Việc BAOVIET Bank bảo vệ được thanh khoản suốt trong năm qua là một thành công, khẳng định được vị thế, uy tín trên thị trường liên ngân hàng và cộng đồng.

- Tham gia tích cực các nghiệp vụ thị trường tiền tệ với Ngân hàng Nhà nước, cụ thể là: tham gia thị trường mở, thấu chi vay qua đêm... duy trì tối ưu số dư vay Ngân hàng Nhà nước vừa đáp ứng yêu cầu quản trị thanh khoản và góp phần giảm chi phí vốn cho ngân hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tạo được vị thế trên thị trường liên ngân hàng trong giao dịch vốn. Nhiều Ngân hàng thương mại lớn thường xuyên duy trì quan hệ gửi vốn/nhận vốn, tín chấp với BAOVIET Bank.

- Đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của khách hàng từ việc cân đối cung, cầu trên toàn hệ thống và liên ngân hàng; phục vụ kịp thời các nhu cầu mua, bán ngoại tệ của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để thanh toán ra nước ngoài trong điều kiện thị trường khó khăn.

- Trước thực trạng thị trường thay đổi quá nhanh và khó lường trước, BAOVIET Bank cũng đã nhanh chóng thu hồi vốn kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, giảm thiểu tối đa nguy cơ nợ đọng kéo dài không ảnh hưởng đến thanh khoản.

- Hoạt động Repo trái phiếu được đẩy mạnh và đem lại hiệu quả thiết thực cho ngân hàng.

- Tích cực huy động vốn từ các định chế tài chính (Tập đoàn Bảo Việt, BHBV, BVNT, BVF, BVSC,...) và các khách hàng doanh nghiệp lớn góp phần đáng kể vào sứ mệnh hoàn thành kế hoạch chung của ngân hàng. Đến thời điểm 31/12/2011 nguồn huy động do Khối KDTT quản lý là 4.111 tỷ (59% tổng tiền gửi huy động từ thị trường I của toàn ngân hàng) vượt 29% so với kế hoạch là 3.200 tỷ.

Nhận thức được những khó khăn, thách thức trên thị trường tiền tệ trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực thi chính sách tiền tệ thận trọng trong năm 2012, Khối KDTT xác định chiến lược kinh doanh “năng động, linh hoạt” để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý tập trung nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản, phát triển kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội từ những biến động trên thị trường để đem lại hiệu quả tối ưu cho ngân hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO



NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ RỦI RO

BAOVIET Bank chú trọng tạo lập ý thức thận trọng về Quản lý Rủi ro, phát triển kỹ năng nhận biết và phân tích về mọi vấn đề liên quan đến các loại rủi ro đối với tất cả các nhà quản lý, thường xuyên xem xét lại hoạt động để đánh giá chiến lược và rủi ro trong từng công việc và chức năng.

BAOVIET Bank triển khai Hệ thống Quản lý Rủi ro thông qua một cơ cấu tổ chức bảo đảm sự độc lập giữa chức năng tạo lợi nhuận và chức năng Quản lý Rủi ro. Khối Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm về việc đề xuất các chính sách, công cụ quản lý các loại rủi ro trong ngân hàng.

Năm 2011, hoạt động Quản lý rủi ro của BAOVIET Bank có một số điểm nổi bật như sau:

- Tiếp tục xây dựng và đánh giá, điều chỉnh bổ sung hệ thống các văn bản cần thiết liên quan đến Quản lý Rủi ro.
- Công tác tái thẩm định được thực hiện một cách cẩn trọng và đảm bảo tiến độ trong điều kiện nhân sự không nhiều. Sự phối hợp giữa bộ phận Tái thẩm định và các Đơn vị kinh doanh nhìn chung khá suôn sẻ.
- Công tác giám sát tín dụng đã thể hiện được vai trò trong quản lý vốn vay sau phê duyệt; Bộ phận Xử lý nợ đã rất tích cực trong việc hỗ trợ chi nhánh và trực tiếp tham gia thu hồi các khoản nợ xấu.
- Các bộ phận Quản lý Rủi ro phi tín dụng, ALM đã phát huy được vai trò quản lý của mình trong hoạt động của ngân hàng, đang phát triển theo đúng định hướng và tiến độ.



RỦI RO TÍN DỤNG

- Quản lý tập trung rủi ro tín dụng tạo sự nhất quán giữa định hướng phát triển kinh doanh/khách hàng với định hướng/chính sách về quản lý rủi ro.
- Thực hiện quản lý danh mục tín dụng thông qua đánh giá phân tích đối với các lĩnh vực tập trung rủi ro, thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà BAOVIET Bank có thể chấp nhận.
- Triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh.
- Xây dựng và ban hành các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu tiếp thị, phát triển/thẩm định khách hàng đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt; đồng thời áp dụng và phát triển các phần mềm quản lý (Core Banking T24) và các ứng dụng khác để hỗ trợ các bộ phận trong quá trình quản lý khoản vay.
- Thực hiện quản lý và giám sát tín dụng thông qua các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc trọng điểm nội dung hồ sơ tín dụng, kiểm tra trực tiếp khách hàng và tài sản đảm bảo, đồng thời thường xuyên rà soát đánh giá về các sản phẩm tín dụng đã ban hành.
- Thực hiện hệ thống báo cáo Ngân hàng Nhà nước, báo cáo nội bộ định kỳ.
- Triển khai thực hiện báo cáo và giám sát theo các yêu cầu mới của Ngân hàng Nhà nước như Thông tư 01, Thông tư 03,...

RỦI RO THỊ TRƯỜNG VÀ THANH KHOẢN

- Ngay từ khi thành lập, cùng với việc ý thức rõ tầm quan trọng của công tác Quản lý Rủi ro trong hoạt động ngân hàng, BAOVIET Bank đã có bộ phận chuyên trách về Quản lý Rủi ro thanh khoản – thị trường; xây dựng và ban hành cơ bản đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về Quản lý Rủi ro thanh khoản – thị trường như: quy định về Quản lý Rủi ro thanh khoản, quy định về Quản lý Rủi ro thị trường và một số quy định khác... Trong đó quy định chi tiết các công cụ để nhận diện, đo lường, giám sát, kiểm soát rủi ro, các chỉ tiêu cảnh báo rủi ro...
- Có sự phối hợp chặt chẽ, liên tục, thường xuyên giữa Khối Quản lý Rủi ro và các bộ phận kinh doanh đặc biệt là Khối Kinh doanh Tiền tệ trong công tác Quản lý Rủi ro thanh khoản – thị trường như: nhận diện rủi ro, xây dựng các công cụ để đo lường rủi ro, thiết lập hệ thống hạn mức để quản lý,... Bên cạnh đó là sự hỗ trợ lớn từ Trung tâm Công nghệ Thông tin đối với các vấn đề liên quan đến khai thác nguồn dữ liệu, xây dựng hệ thống báo cáo Quản lý Rủi ro tự động, xây dựng các phần mềm để quản lý. Bộ phận Quản lý Rủi ro thanh khoản – thị trường cũng có được hỗ trợ từ Tập Đoàn Bảo Việt thông qua các hội thảo, buổi làm việc, các khóa đào tạo ngắn hạn các kiến thức và kỹ năng về Quản lý Rủi ro đặc biệt là từ các chuyên gia đến từ HSBC.
- Duy trì định kỳ, đột xuất các cuộc họp của Ủy ban ALCO, Ủy ban Quản lý Rủi ro để cập nhật kịp thời tình hình biến động trên thị trường, tình hình hoạt động của BAOVIET Bank và đưa ra các chính sách quản lý kịp thời.

- Bên cạnh việc luôn luôn thực hiện tuân thủ các tỷ lệ về giới hạn an toàn trong hoạt động theo Quy định của NHNN, BAOVIET Bank cũng đã ban hành hệ thống một số hạn mức để quản lý nội bộ như: hạn mức thanh khoản, Hạn mức NOP, hạn mức lỗ kinh doanh ngoại tệ, các hạn mức liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh Giấy tờ có giá,... Công tác tính toán, giám sát và báo cáo các tỷ lệ, giới hạn, hạn mức được thực hiện định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của BAOVIET Bank.
- Đối với công tác Quản lý Rủi ro thanh khoản, BAOVIET Bank đang tiến hành khai thác, tổng hợp dữ liệu quá khứ để xây dựng công cụ Quản lý Rủi ro thanh khoản dựa trên hành vi ứng xử của khách hàng để đo lường chính xác mức độ thiếu hụt thanh khoản của ngân hàng, tiến tới thiết lập các hạn mức để quản lý thanh khoản cũng như xây dựng hệ thống các chỉ tiêu cảnh báo rủi ro thanh khoản.
- Đối với công tác Quản lý Rủi ro thị trường, BAOVIET Bank tập trung vào 2 loại rủi ro chính ảnh hưởng lớn nhất đến Ngân hàng là Rủi ro Lãi suất và Rủi ro Tỷ giá. Cùng với chính sách Quản lý Rủi ro lãi suất và tỷ giá tập trung tại Hội sở chính cũng đã phát huy tác dụng tích cực trong công tác Quản lý Rủi ro thị trường khi các chính sách và các điều chỉnh được áp dụng kịp thời, chủ động với tình hình biến động phức tạp trên thị trường.
- Nghiên cứu, xây dựng, phát triển và hoàn thiện các công cụ, mô hình Quản lý Rủi ro thị trường để giám sát và quản lý như: đánh giá mức độ chênh lệch nhạy cảm với lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ của ngân hàng (Gap Lãi suất, Gap PV01...); phân tích ảnh hưởng của biến động lãi suất, tỷ giá đến giá trị Tài sản cũng như thu nhập của Ngân hàng (VaR, EaR...); định giá danh mục Trading của ngân hàng theo giá trị thị trường (Mark to market)... nhằm thực hiện công tác Quản lý Rủi ro một cách có hệ thống và hiệu quả, hướng tới chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

RỦI RO TÁC NGHIỆP

- BAOVIET Bank đã xây dựng được một hệ thống văn bản tương đối đầy đủ trên các mảng nghiệp vụ. Các quy trình nghiệp vụ luôn đảm bảo mọi giao dịch đăng nhập phải được kiểm soát bước 1 (có quy trình cần phải qua 2 bước kiểm soát). BAOVIET Bank cũng đã ban hành các quy định về việc quản lý truy cập hệ thống Core Banking T24, về phòng chống rửa tiền, về Quản lý Rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử và về Quản lý Rủi ro tác nghiệp.
- BAOVIET Bank đã định hướng xây dựng khung Quản lý Rủi ro tác nghiệp theo chuẩn Basel II nhằm tạo cơ sở về tổ chức, cơ chế quản lý – thông tin, thống nhất về quy trình Quản lý Rủi ro tác nghiệp từ nhận diện rủi ro và phát triển công cụ đo lường và biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro và cơ chế quản lý, giám sát. Việc thành lập một bộ phận Quản lý Rủi ro tác nghiệp độc lập thuộc Khối Quản lý Rủi ro đã thể hiện nhận thức từ Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành về tầm quan trọng và định hướng đúng đắn trong việc xây dựng và phát triển Quản lý Rủi ro tác nghiệp, song song và đồng hành với phát triển kinh doanh.
- Thường xuyên cập nhật danh sách Black - list liên quan đến phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (AML/ATF) để triển khai chương trình cảnh báo trên toàn hệ thống và các báo cáo AML khác.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



- TT CNTT đã hoàn thành được một số dự án trọng điểm như triển khai bộ sản phẩm BVIP, ứng dụng in hóa đơn VAT, hệ thống báo cáo thống kê theo Thông tư 21 của Ngân hàng Nhà nước.
- Triển khai nâng cấp hệ thống thông tin quản lý MIS - 03; Phân tích, phát triển thêm tính năng cho hệ thống Internet Banking.
- Công tác bảo đảm vận hành hệ thống và hỗ trợ nghiệp vụ, công nghệ đã được chú trọng, bảo đảm hỗ trợ tối đa cho hoạt động của các cán bộ trong ngân hàng. Công tác quản trị ứng dụng và cơ sở dữ liệu cũng đang bắt đầu được triển khai thực hiện.
- TT CNTT cũng đang tiến hành tuyển dụng thêm nhân sự nghiệp vụ và đã có sự phân công chéo giữa các nhóm nghiệp vụ để bảo đảm nguồn lực hỗ trợ.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2012

- Tăng cường nhân sự về nghiệp vụ và kỹ thuật để bảo đảm cho việc xử lý kịp thời các vấn đề của hệ thống hiện tại đồng thời với việc triển khai, nâng cấp các hệ thống nghiệp vụ lõi (T24, Way4) và phục vụ việc phát triển các ứng dụng mới. Bổ sung nhân sự cho các mảng công việc: bảo mật quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị ứng dụng và dữ liệu.
- Tiếp tục triển khai dự án "Trang bị thiết bị Công nghệ Thông tin – Giai đoạn I" (với mục tiêu nâng cấp nhóm máy chủ cho các ứng dụng quản trị hệ thống và tăng cường Thiết bị An ninh Phòng chống xâm nhập hệ thống CNTT của BAOVIET Bank). Dự án này có tính chất cấp thiết, ảnh hưởng đến sự an toàn của cả hệ thống CNTT của BAOVIET Bank, đặc biệt là khi hiện nay các dịch vụ Ngân hàng điện tử đã được triển khai và đi vào hoạt động.
- Tiếp tục triển khai một số dự án khác về CNTT đã có trong kế hoạch năm 2011 nhưng vì một số lý do nên cho đến nay chưa được thực hiện như: Dự án nâng cấp Core Banking T24 lên phiên bản mới, Dự án BPM & ECM (quản lý quy trình kinh doanh và quản trị tài liệu). Các dự án này có ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao khả năng xử lý và khắc phục những điểm tồn tại của hệ thống hiện tại cũng như tăng cường hoạt động quản trị tập trung và giảm mức độ rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh việc phát triển các tiện ích ngân hàng điện tử (qua các kênh: Internet Banking, Mobile Banking, Phone Banking, ATM) và các sản phẩm thẻ.



HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

- Trong năm 2011, Trung tâm Công nghệ Thông tin (TT CNTT) đã bảo đảm được sự vận hành ổn định của các hệ thống chính là Core Banking và hệ thống Thẻ đồng thời phát triển thêm nhiều Module tiện ích trên hệ thống Core Banking giúp cho hoạt động tác nghiệp của toàn hệ thống trở nên thuận tiện hơn.

TÁC NGHIỆP TẬP TRUNG



- Trong hoạt động thanh toán quốc tế, số lượng L/C do BAOVIET Bank tự phát hành chiếm đến 96%, doanh số nhờ thu xuất khẩu năm 2011 tăng 254% về số món và 744% về giá trị so với năm 2010 chứng tỏ thương hiệu và uy tín ngày càng tăng của BAOVIET Bank đã đến được với thị trường nước ngoài.
- Mạng dịch vụ chuyển tiền đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ về cả số lượng và giá trị. Tỷ lệ điện chuẩn đạt gần 100%. Kênh thanh toán Internet Banking của BAOVIET Bank cũng đã được khách hàng rất ưa dùng vì tính tiện ích, an toàn, tốc độ thanh toán nhanh chóng và giờ mở rộng hơn so với các ngân hàng khác.
- Bộ phận Tác nghiệp Tín dụng và Tác nghiệp Kinh doanh Tiền tệ liên tục thực hiện cải tiến quy trình, kết hợp nỗ lực đề xuất và phối hợp với Khối CNTT phát triển, hoàn thiện các ứng dụng nghiệp vụ trên hệ thống, nâng cao năng suất.

Năm 2011, Khối Tác nghiệp đã ban hành và triển khai hiệu quả các quy trình tác nghiệp tập trung đối với các nghiệp vụ ngân hàng, đảm bảo quá trình tác nghiệp nhanh chóng, thông suốt và tuân thủ các quy định của BAOVIET Bank và Ngân hàng Nhà nước. Ngoài nhiệm vụ tác nghiệp theo yêu cầu của các đơn vị kinh doanh, các đơn vị tác nghiệp tại Hội sở chính đã trực tiếp hướng dẫn, tư vấn, đề xuất các giải pháp, phương án nhằm giảm thiểu rủi ro cho các đơn vị kinh doanh và khách hàng trong quá trình sử dụng các sản phẩm của BAOVIET Bank; tiến hành các khóa đào tạo về nghiệp vụ cho các chi nhánh để bảo đảm thực hiện theo đúng quy chuẩn tác nghiệp theo quy định của BAOVIET Bank và pháp luật hiện hành.

Trong năm 2012, với quyết tâm phát triển mô hình quản lý tập trung, Khối Tác nghiệp sẽ tiếp tục kiện toàn mô hình và bộ máy nhân sự, bảo đảm thực hiện hiệu quả hoạt động nghiệp vụ, làm nền tảng sự phát triển nhanh chóng và vững mạnh của BAOVIET Bank.



Năm 2011, BAOVIET Bank tiếp tục củng cố phát triển mô hình quản lý tập trung, thể hiện rõ ở việc thực hiện các chức năng tác nghiệp tập trung cho cả hệ thống tại Hội sở chính bao gồm Tác nghiệp Thanh toán (trong nước và quốc tế), Tác nghiệp Tài trợ Thương mại, Tác nghiệp Thẻ, Tác nghiệp Kinh doanh Tiền tệ và Tác nghiệp Tín dụng.

Mô hình tác nghiệp tập trung giúp tinh giản cơ cấu nhân sự và quy mô tại các chi nhánh của BAOVIET Bank đã giúp đẩy nhanh kế hoạch phát triển mạng lưới, tạo điều kiện cho công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự với kỹ năng chuyên sâu tại Hội sở chính. Mô hình này đã được triển khai ngay từ những ngày đầu thành lập đã và đang cho thấy hiệu quả rõ rệt, thể hiện rõ nét ở việc tăng năng suất và hiệu quả công việc.

NGUỒN NHÂN LỰC



- Tập trung vào công tác tuyển dụng để bổ sung nhân sự cho các vị trí chủ chốt nhằm kiện toàn bộ máy tại Hội sở chính và đáp ứng yêu cầu nhân lực cho việc mở rộng phát triển mạng lưới. Tính đến ngày 31/12/2011, BAOVIET Bank có tổng cộng 646 cán bộ nhân viên làm việc tại 30 điểm giao dịch trên toàn quốc, trong đó số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm tới 85%.

- Bổ sung trang thiết bị cơ sở vật chất cho đào tạo tại hai khu vực phía Bắc – tại Hà Nội và phía Nam – tại Thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai các khóa đào tạo trên toàn hệ thống bao gồm đào tạo hội nhập cho nhân viên mới, đào tạo kỹ năng cho nhân viên thông qua việc tổ chức các khóa học nội bộ và cử CBNV tham gia các khóa học do các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức.

- Xây dựng chính sách tiền lương cạnh tranh so với các Ngân hàng thương mại khác dựa trên hiệu quả làm việc của từng tập thể và cá nhân. Phát động các phong trào thi đua, khen thưởng, tạo môi trường làm việc mang tính cạnh tranh, năng động, hiệu quả.

- Phát triển văn hóa doanh nghiệp dựa trên cơ cấu nhân sự trẻ với hơn 50% số CBNV dưới 30 tuổi. Đây là nguồn lao động trẻ, có nhiệt huyết, tinh thần học hỏi và cầu tiến. Ngoài việc thực hiện đào tạo nâng cao kỹ năng làm việc, BAOVIET Bank còn chú trọng phát động các phong trào kết nối đồng nghiệp, các hoạt động ngoại khóa để tăng cường tinh thần đoàn kết, tạo môi trường làm việc thân thiện, gần gũi và quan tâm lẫn nhau.

Năm 2012, BAOVIET Bank tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng, xây dựng các mô hình tuyển dụng mới phục vụ mục tiêu phát triển mạng lưới, phấn đấu xây dựng một môi trường làm việc hấp dẫn với người lao động trên tất cả các mặt văn hóa doanh nghiệp, cơ chế đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.



Nguồn nhân lực luôn là nhân tố đặc biệt quan trọng trong tiến trình phát triển của kinh tế - xã hội nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ. Xác định được điều đó, BAOVIET Bank luôn dành sự quan tâm và đầu tư tối đa cho các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ở tất cả các cấp:

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TẠI HÀ NỘI

BAOVIET Bank Hội sở chính

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt,
Số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: 84 - 4 - 3928 8989
Fax: 84 - 4 - 3928 8899
Email: hoiso@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Sở Giao dịch

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, phố Duy Tân,
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Điện thoại: 84 - 4 - 3795 8606
Fax: 84 - 4 - 3795 8608
Email: sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Bà Triệu

Địa chỉ: Số 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: 84 - 4 - 3944 8657
Fax: 84 - 4 - 3944 8658
Email: pgdbrt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Văn Miếu

Địa chỉ: Số 71 Ngô Sĩ Liên, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3732 6506
Fax: 84 - 4 - 3732 6508
Email: pgdvm-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Mỹ Đình

Địa chỉ: Số 08 đường Nguyễn Cơ Thạch,
huyện Từ Liêm
Điện thoại: 84 - 4 - 3763 3176 / 77
Fax: 84 - 4 - 3763 3178
Email: pgdmd-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Đào Tấn

Địa chỉ: Số 14 Đào Tấn,
phường Cống Vị, quận Ba Đình
Điện thoại: 84 - 4 - 3211 5400/ 01
Fax: 84 - 4 - 3211 5402
Email: pgddt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Trung Hòa

Địa chỉ: Số 03 Lô 4A, KĐT Trung Yên,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Điện thoại: 84 - 4 - 3783 4704/ 05
Fax: 84 - 4 - 3783 4706
Email: pgdth-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Tôn Đức Thắng

Địa chỉ: Số 245 Tôn Đức Thắng,
phường Hàng Bột, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3513 4264/ 65
Fax: 84 - 4 - 3513 4263
Email: pgdtdt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Hoàng Cầu

Địa chỉ: Số 07/100 Hoàng Cầu
phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3513 4356
Fax: 84 - 4 - 3513 4358
Email: pgdhc-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Hà Nội

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngọc Thạch
phường Kim Liên, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3574 7666
Fax: 84 - 4 - 3574 7136
Email: cn-hanoi@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Trần Xuân Soạn

Địa chỉ: 38 Trần Xuân Soạn,
Phường Ngô Thì Nhậm
quận Hai Bà Trưng.
Điện thoại: 84 - 4 - 39335707
Fax: 84 - 4 - 3933 5687
Email: pgdtxs-sgd@baovietbank.vn

TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

BAOVIET Bank Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt
Số 233 Đồng Khởi, quận 1
Điện thoại: 84 - 8 - 3824 5303
Fax: 84 - 8 - 3822 7481
Email: cn-hochiminh@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Sài Gòn

Địa chỉ: Số 1119 Trần Hưng Đạo, quận 5
Điện thoại: 84 - 8 - 3924 6365
Fax: 84 - 8 - 3924 6366
Email: cn-saigon@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Nguyễn Văn Cừ

Địa chỉ: Số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 1
Điện thoại: 84 - 8 - 3836 0660
Fax: 84 - 8 - 3836 0663
Email: pgdnvc-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Lạc Long Quân

Địa chỉ: Số 694 Lạc Long Quân, phường 9
quận Tân Bình
Điện thoại: 84 - 8 - 3975 5871
Fax: 84 - 8 - 3975 5872
Email: pgdllq-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Hàng Xanh

Địa chỉ: Số 265 Xô Viết Nghệ Tĩnh,
phường 10, quận Bình Thạnh
Điện thoại: 84 - 8 - 3551 5234
Fax: 84 - 8 - 3551 5224
Email: pgdhx-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Quang Trung

Địa chỉ: Số 388 Quang Trung,
quận Gò Vấp
Điện thoại: 84 - 8 - 3921 2325/24
Fax: 84 - 8 - 3921 2322
Email: pgdqt-cnHCM@baovietbank.vn

TẠI HẢI PHÒNG

BAOVIET Bank Hải Phòng

Địa chỉ: Số 99 Bạch Đằng,
phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng
Điện thoại: 84 - 031 - 3529 966 / 86
Fax: 84 - 031 - 3529 788
Email: cn-haiphong@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Trần Nguyên Hãn

Địa chỉ: Số 280 Trần Nguyên Hãn,
Phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân
Điện thoại: 84 - 031 - 3529 966/86
Fax: 84 - 031 - 3529 788
Email: qtktnh-cnHP@baovietbank.vn

TẠI NGHỆ AN

BAOVIET Bank Nghệ An

Địa chỉ: Số 105 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Lê Mao, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 669
Fax: 84 - 38 - 3550 699
Email: cn-nghean@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Trường Thi

Địa chỉ: Số 87 Nguyễn Văn Cừ,
phường Trường Thi, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 656 / 67
Fax: 84 - 38 - 3550 665
Email: qtktt-cnNA@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Bến Thủy

Địa chỉ: Số 180 Nguyễn Du,
phường Bến Thủy, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 626
Fax: 84 - 38 - 3550 828
Email: pgdbrt-cnNA@baovietbank.vn

TẠI ĐÀ NẴNG

BAOVIET Bank Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 86-88 Nguyễn Văn Linh,
phường Nam Dương, quận Hải Châu
Điện thoại: 84 - 0511 - 353 8688
Fax: 84 - 0511 - 353 9988
Email: cn-danang@baovietbank.vn

TẠI ĐẮK LẮK

BAOVIET Bank Đắk Lắk

Địa chỉ: Số 26 Lê Thánh Tông,
phường Thắng Lợi, TP. Buôn Mê Thuột
Điện thoại: 84 - 500 - 3989 989
Fax: 84 - 500 - 3939 989
Email: cn-daklak@baovietbank.vn

TẠI CẦN THƠ

BAOVIET Bank Cần Thơ

Địa chỉ: Số 90-92 Trần Văn Khéo,
phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
Điện thoại: 84 - 0710 - 3760 770
Fax: 84 - 0710 - 3760 775
Email: cn-cantho@baovietbank.vn



CHÚNG TÔI LUÔN
MANG LẠI NỤ CƯỜI
CHO KHÁCH HÀNG
SAU MỖI LẦN
GIAO DỊCH.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0264/KTV

Hà Nội, Ngày 15 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Minh Tiến

Trần Thị Minh Tiến
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1331/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	107.495.323.535	122.623.520.804
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Ngân hàng Nhà nước”)	223.673.334.925	238.513.449.731
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	3.258.842.856.204	4.355.565.558.413
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	3.063.517.856.204	3.827.956.708.413
Cho vay các TCTD khác	196.000.000.000	529.397.600.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(675.000.000)	(1.788.750.000)
Chứng khoán kinh doanh	543.086.100.000	674.416.600.000
Chứng khoán kinh doanh	543.086.100.000	674.416.600.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
Cho vay khách hàng	6.633.211.500.804	5.581.744.627.368
Cho vay khách hàng	6.712.706.763.411	5.615.167.793.498
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(79.495.262.607)	(33.423.166.130)
Chứng khoán đầu tư	2.090.858.489.727	2.288.627.529.102
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	2.090.858.489.727	2.288.627.529.102
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-
Đầu tư vào công ty con	-	-
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	84.248.112.513	80.777.535.213
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>51.707.978.669</i>	<i>39.156.050.995</i>
Nguyên giá tài sản cố định	74.137.390.383	49.169.735.513
Hao mòn tài sản cố định	(22.429.411.714)	(10.013.684.518)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>32.540.133.844</i>	<i>41.621.484.218</i>
Nguyên giá tài sản cố định	57.699.920.363	54.576.428.857
Hao mòn tài sản cố định	(25.159.786.519)	(12.954.944.639)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	283.505.266.020	378.708.766.382
Các khoản phải thu	27.491.206.525	128.735.640.296
Các khoản lãi, phí phải thu	228.470.699.289	221.219.881.335
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	27.543.360.206	28.753.244.751
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	13.224.920.983.728	13.720.977.587.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị: VNĐ

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2011	31/12/2010
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	858.975.631.831	1.593.235.333.373
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.572.928.705.159	3.019.960.785.943
Tiền gửi của các TCTD khác	3.572.928.705.159	3.019.960.785.943
Vay các TCTD khác	-	-
Tiền gửi của khách hàng	7.029.847.748.380	7.291.211.679.405
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-
Các khoản nợ khác	91.957.550.929	167.924.815.907
Các khoản lãi, phí phải trả	58.709.031.259	95.170.024.486
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	31.819.108.648	69.009.783.957
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn	1.429.411.022	3.745.007.464
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	11.553.709.636.299	12.072.332.614.628
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ		
Vốn của TCTD	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Vốn điều lệ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Vốn đầu tư XDCB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	45.703.875.969	28.365.919.714
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	125.507.471.460	120.279.052.671
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.671.211.347.429	1.648.644.972.385
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.224.920.983.728	13.720.977.587.013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2011	31/12/2010
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh vay vốn	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	65.836.555.555	234.468.403.536
Bảo lãnh khác	74.479.974.707	81.382.221.188
Các cam kết đưa ra		
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
Cam kết khác	-	-
	140.316.530.262	315.850.624.724

Người lập

Ông **Lại Văn Hải**
Kế toán

Người phê duyệt

Bà **Đỗ Thị Phương Lan**
Q. Kế toán trưởngÔng **Nguyễn Hồng Tuấn**
Q. Tổng giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 15 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2011	31/12/2010
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.684.294.370.445	920.720.951.902
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.317.058.943.910)	(632.649.507.831)
Thu nhập lãi thuần	367.235.426.535	288.071.444.071
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	18.404.360.021	15.833.714.048
Chi phí hoạt động dịch vụ	(10.324.982.536)	(5.546.370.401)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	8.079.377.485	10.287.343.647
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	4.482.529.877	13.111.279.638
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	57.236.912.391	43.993.322.604
(Lỗ)/ lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(386.712.022)	702.397.011
Thu nhập từ hoạt động khác	444.133.329	856.361.338
Chi phí hoạt động khác	(351.888.660)	(483.362.995)
Lãi thuần từ hoạt động khác	92.244.669	372.998.343
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	436.739.778.935	356.538.785.314
Chi phí tiền lương	(92.399.150.773)	(62.209.575.963)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(24.634.601.027)	(14.431.718.993)
Chi phí hoạt động khác	(122.948.110.375)	(72.013.377.336)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(239.981.862.175)	(148.654.672.292)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	196.757.916.760	207.884.113.022
Hoàn nhập DPRR cho các khoản cho vay các TCTD	1.113.750.000	1.058.968.600
Chi phí DPRR cho các khoản cho vay khách hàng	(46.072.096.477)	(28.004.378.541)
(Chi phí)/ Hoàn nhập DPRR rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	2.315.596.442	(3.214.284.552)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	154.115.166.725	177.724.418.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(38.528.791.681)	(44.431.104.632)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(38.528.791.681)	(44.431.104.632)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	115.586.375.044	133.293.313.897
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	771	889

Người lập

Ông **Lại Văn Hải**
Kế toán

Người phê duyệt

Bà **Đỗ Thị Phương Lan**
Q. Kế toán trưởngÔng **Nguyễn Hồng Tuấn**
Q. Tổng giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 15 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

	31/12/2011	31/12/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.677.043.552.491	824.214.117.479
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.353.519.937.137)	(576.784.984.513)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	8.079.377.485	10.287.343.647
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	61.332.730.246	57.806.999.253
Thu nhập khác	92.244.669	542.467.214
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(210.210.852.237)	(124.867.182.318)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(41.952.686.031)	(48.523.879.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	140.864.429.486	142.674.881.554
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	907.147.600.000	763.179.360.000
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	329.099.539.375	(2.013.977.688.065)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(1.097.538.969.913)	(3.359.599.163.205)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	-	-
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	192.440.286.365	(261.969.551.779)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(734.259.701.542)	1.172.436.600.710
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	552.967.919.216	1.310.939.353.337
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	(261.363.931.025)	3.776.871.421.559
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	-	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(131.923.189.869)	169.472.229.846
Chi từ các quỹ của TCTD	-	607.773.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(102.566.017.908)	1.700.635.217.287
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(28.091.146.376)	(48.502.722.959)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(28.091.146.376)	(48.502.722.959)

	31/12/2011	31/12/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	-	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(90.000.000.000)	(45.000.000.000)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(90.000.000.000)	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(220.657.164.284)	1.607.132.494.328
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	3.499.093.678.948	1.891.961.184.620
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	3.278.436.514.664	3.499.093.678.948

Người lập



Ông **Lại Văn Hải**
Kế toán

Người phê duyệt



Bà **Đỗ Thị Phương Lan**
Q. Kế toán trưởng



Ông **Nguyễn Hồng Tuấn**
Q. Tổng giám đốc

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 15 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép số 328/GP - NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”).

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng do các cổ đông góp là 1.500 tỷ đồng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.500 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.500 tỷ đồng).

Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt có trụ sở chính đặt tại số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, và chín (9) chi nhánh chính tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 646 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 555 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam.

2.5 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Điều hành Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, các báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.6 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong các báo cáo tài chính.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 39 trên các báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

2.7 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.8 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Chức vụ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.9 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu và cổ tức được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

2.10 Chứng khoán đầu tư

2.10.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần mua bán chứng khoán đầu tư".

2.10.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

2.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.12 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi

phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.15 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Máy móc thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

2.16 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 42). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.19 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.20 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.21 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 8. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

2.22 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

2.23 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

2.23.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.23.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

2.24 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.25 Lợi ích của nhân viên

2.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

2.25.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

2.25.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

CONTENT

62	VISION, MISSION AND CORE VALUES
64	CHAIRPERSON'S MESSAGE
66	CHIEF EXECUTIVE OFFICER'S REPORT
68	ORGANIZATIONAL STRUCTURE
76	MAJOR INDICATORS
78	RETAIL BANKING
82	COMMERCIAL BANKING

86	TREASURY OPERATION
88	RISK MANAGEMENT
92	INFORMATION TECHNOLOGY
94	CENTRALIZED OPERATION
96	HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT
98	OPERATION NETWORK
102	INDEPENDENT AUDITORS' REPORT
103	FINANCIAL STATEMENTS

VISION, MISSION, CORE VALUES



VISION

BAOVIET Bank's vision toward 2015 is "to become a leading retail bank in terms of product categories and service quality".

MISSION

The mission of the bank is to build on its position as a modern bank with standardization in governance, execution and operation to ensure the top-quality services and customer's satisfaction. The bank has been convinced that the mission enables it to create further sustainable added values for the bank's shareholders and long-term benefits for the bank's staff and make real contributions to society and community.

CORE VALUES

- **Comprehensive standards:** BAOVIET Bank looks forward to applying standards through its operation, ranging from organizational model, corporate governance, technology, to banking services, and professional working environment.

- **Unceasing creativity:** BAOVIET Bank believes that creativity is the key to success in a fierce competition and challenging banking environment. Therefore, it embraces creative skills and dynamic capabilities as the key elements to make essential moves in the development course as well as in the competition against rivals.

- **Sustainable efficiency:** BAOVIET Bank prioritizes endeavors and practical contributions that help achieve sustainable efficiency. Apart from setting forth the goals that will bring both effectiveness and high pressure for its business operation, BAOVIET Bank places great importance on correct assessment of risks, resource development and capacity building to maintain the sustainable efficiency for the following years.

- **Unanimity and sharing:** BAOVIET Bank underscores cooperation, consensus, and a consciousness of building confidence in internal relationships as well as in transactions with various partners. BAOVIET Bank has a belief that the success would be made by a competent, cooperative and sharing collective. Recognizing that business outcomes depend largely on the ability of understanding partners and customers, BAOVIET Bank strongly believes that it can work together with partners to work out appropriate solutions based on mutual trust and benefits.

Operating under the slogan "**your trust, our commitment**", BAOVIET Bank's leadership and staff commit themselves to providing their clients with top-quality international standard products and services so as to bring the utmost benefits for clients, partners, shareholders, and society.

CHAIRPERSON'S MESSAGE



2012 would continue to be a tough year for economic activities generally and financial markets particularly. Under the overall restructure of the economy, the banking industry will certainly witness eliminations, evolutions, mergers and acquisitions. But that will also create new business opportunities for those who are creative and pro-active in the market.

Based on the above analysis and forecast, BAOVIET Bank set its own target of maintaining a stable and sustainable growth rate in 2012. With the chartered capital of over 3,000 billion Dong, 2012 will be a fundamental year for BAOVIET Bank entering the new period. Our bank will focus on several main tasks such as: perfect the organizational structure and corporate governance; promote staff training and development; enhance capital base and business performance; improve risk management quality and NPLs ratio; promote modern IT applications; develop new products and services; explore the synergies created by cooperation with other Group members; ... thereby, overcoming weaknesses and take full advantage of opportunities to accomplish the set targets.

Proudly inheriting the 50-year BAOVIET brand and with the trust and support from valued customers, shareholders, regulators, BAOVIET Bank determines to generate good results in 2012 to lay foundation for realizing the bank's business strategies, making ourselves a highly competitive bank operating in line with **"Profitability and Security"** principle.

I wish good health, happiness and success to all of you.



Ladies and Gentlemen,

In 2011, the Vietnam's economy in general and banking industry in particular had been confronted with the biggest challenges since the "Doi moi" program, featured by high inflation, huge trade deficit, inefficient public investment and the adverse impacts of the world economic instability ... In such a context, and as a new bank in the market, BAOVIET Bank was certainly under high pressure and encountered many difficulties.

As a consequence, BAOVIET Bank's business performance in 2011 was slightly under expectations. Some targets, however, have been achieved with great results, particularly the increased number of customers, under-controlled NPLs and strong liquidity... With these efforts, BAOVIET Bank was classified by SBV under Group 2 – "the healthy, stable and secured bank group" – granted a credit growth rate of 15% in 2012.

Mdm. **Nguyen Thi Phuc Lam**
Chairperson of Board of Directors

CHIEF EXECUTIVE OFFICER'S REPORT



2012 continues to be a relatively challenging year for banks relating to a number of problems such as bad debt settlement, restructure pressure to improve financial capability, barriers of the tight monetary policy and the credit growth cap. In such context, BAOVIET Bank's target of "Safety and Efficiency" in business performance shall be concentrated in 2012, with some basic guidelines as follows:

- **Organizational structure:** To perfect the organizational model and operational mechanism based on highly centralized management principle to enhance the efficiency.
- **Business activities:** To promote capital mobilization from the economic institutions and people; to continue to take care of target customers who are large and medium enterprises to develop credit; to co-operate more effectively with other members of the Bao Viet Group.
- **Banking technology:** To enhance the development of e-banking utilities and card products; to pay special attention to the system administration to ensure safety and security for the network system in combination with the Group's IT infrastructure to improve the BAOVIET Banking system's performance.
- **Risk management:** To improve and upgrade policies and credit risk management tools; to increase the supervision and cooperation between the operational units and business units to control credit contracts and loan security contracts.

In summary, 2012 is recorded with BAOVIET Bank's determination on stable development with proper growth rate associated with more focus on improving the bank governance quality.



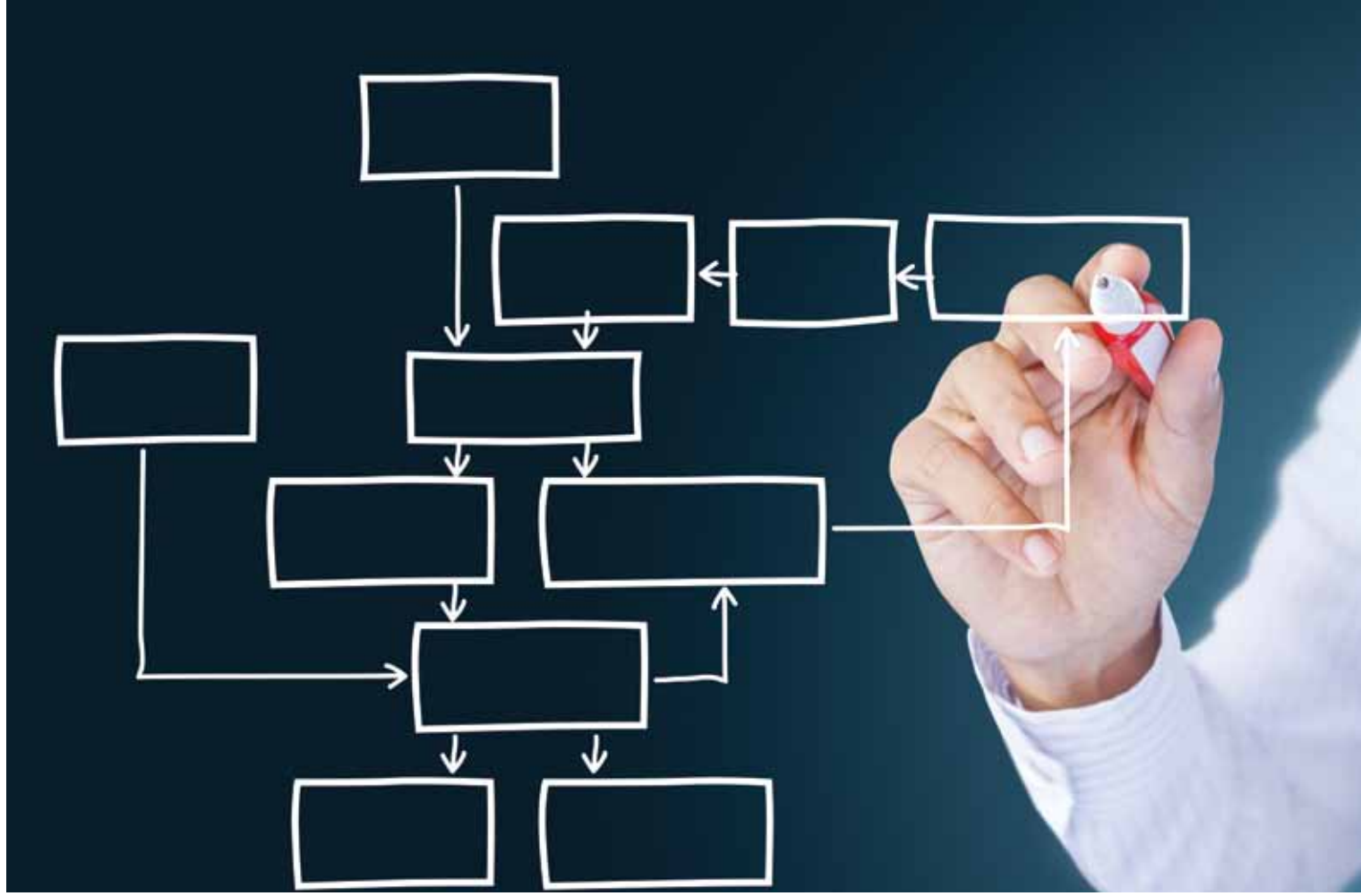
Ladies and Gentlemen,

Dealing with the high inflation in 2011, the government has implemented many economic measures such as: tightening monetary policy, restraining public investment, limiting credit growth ... These measures have greatly affected the banking system in general and commercial banks in particular, including BAOVIET Bank – one of the new banks in the market.

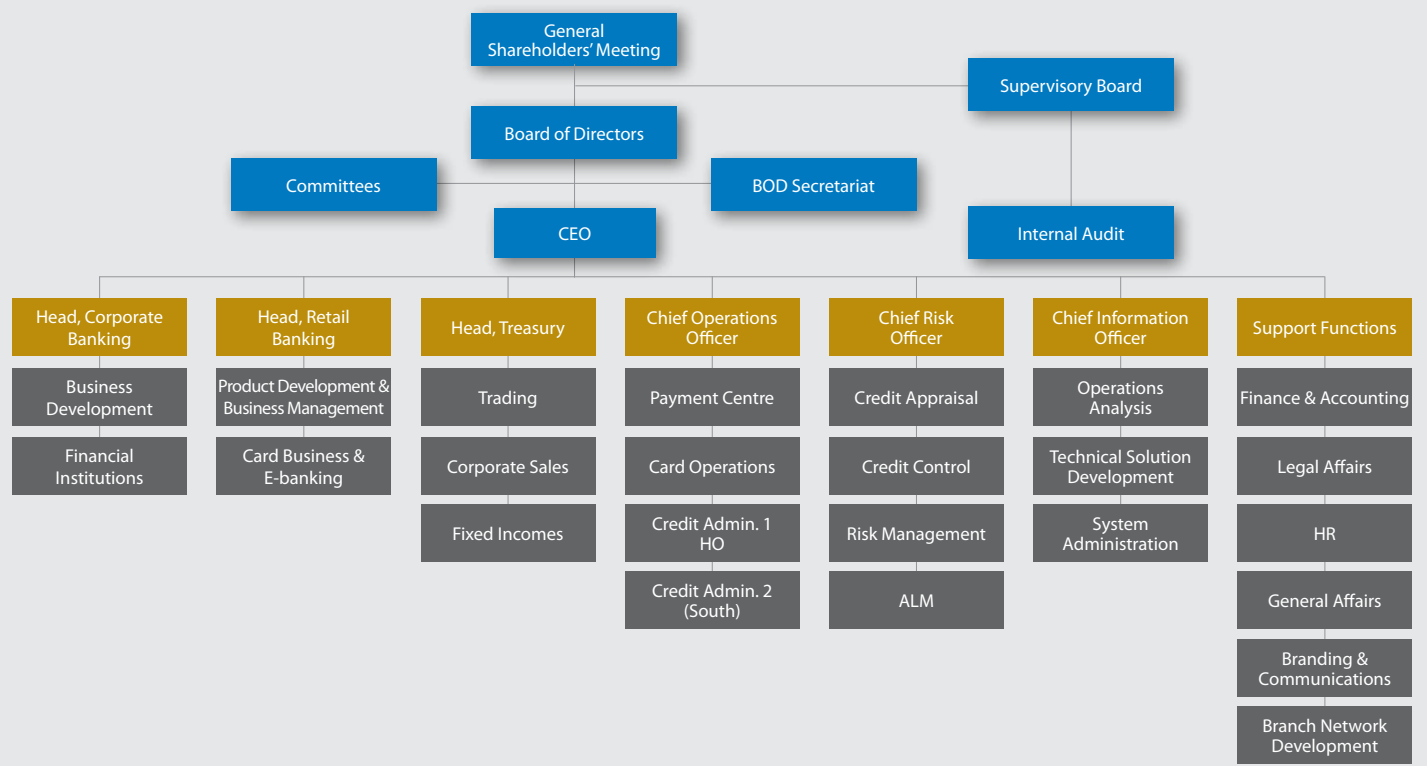
However, in 2011, thanks to the close guidance of the Board of Directors (BOD), the Management Board and the great efforts of all employees, BAOVIET Bank gradually overcame the difficulties and achieved remarkable outcomes. Concretely, the bank liquidity was guaranteed even in the year-end liquidity strain period of the commercial banking system; total outstanding loans reached 6,713 billion VND, increasing by 20%; savings and deposits from corporates and individuals reached 7,030 billion VND; profit before tax reached 154 billion VND in 2011.

Mr. **Nguyen Hong Tuan**
Acting CEO

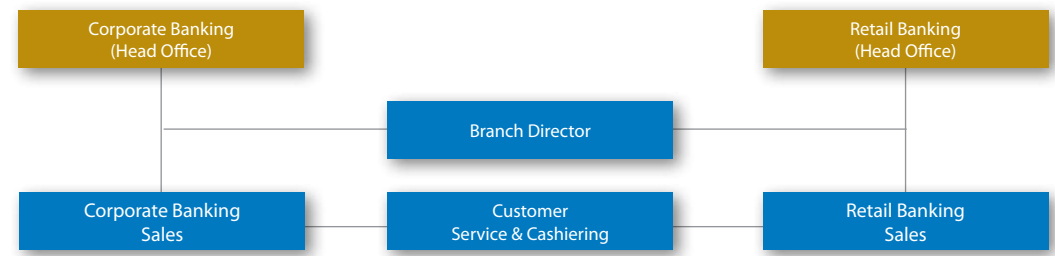
ORGANIZATIONAL STRUCTURE



HEAD OFFICE



BRANCH



BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors (BOD) of BAOVIET Bank decides the bank's strategy, medium-term development plans and annual plans. BOD also endorses a spectrum of organizational and managing issues, determines the establishment of BAOVIET Bank's subsidiary units, and issues regulations on the bank's organization, governance and operation in line with BAOVIET Bank's statute ratified by the Governor of the State Bank of Vietnam in the Decision No. 3130/QĐ-NHNN dated December 16th, 2008.

Board of Directors consists of five members:



Mdm. **NGUYEN THI PHUC LAM**
BOD Chairperson
MA in Economics



Mr. **LE TRUNG HUNG**
BOD Vice Chairman
MA in Administration Management



Mr. **TON QUOC BINH**
BOD Member
PhD in IT



Ms. **NGO THI THU TRANG**
BOD Member
MBA



Mr. **DUONG ĐUC CHUYEN**
BOD Member
MA in Finance

MANAGEMENT BOARD

BAOVIET Bank's Management Board gathers those who have been intensively trained inside and outside the country and used to hold key positions in prestigious financial institutions in Vietnam.

The Management Board of BAOVIET Bank consists of six members:



Mr. **NGUYEN HONG TUAN**
Acting Chief Executive Officer
MBA



Mr. **TON QUOC BINH**
Chief Information Officer
PhD in IT



Ms. **NGUYEN THI NGUYET THU**
Chief Treasury Officer
BA in Economics, MA in Banking & Finance



Ms. **TRAN THI MINH HUE**
Deputy Chief Operation Officer
MA in Banking & Finance



Ms. **NGUYEN THI THUY DUONG**
Deputy Chief Risk Officer
MA in Banking & Finance



Ms. **ĐO THI PHUONG LAN**
Acting Chief Accountant
MA in Banking & Finance

SUPERVISORY BOARD

The Supervisory Board of BAOVIET Bank consists of three members:




Mr. **TRAN HOAI PHUONG**
Head of Supervisory Board
MBA



Ms. **LE ANH PHUONG**
Full-time member
BA in Economics



Mr. **NGUYEN DUY KHANH**
Full-time member
BA in Economics

A woman with dark hair tied back, wearing a light blue button-down shirt and a blue and white striped tie, is smiling while talking on a white telephone. She is in a call center environment, with other employees visible in the background, some looking at computer monitors. The background is slightly blurred, emphasizing the woman in the foreground.

WE AIM AT YOUR
SATISFACTION BY
PERFECTING EVERY
BANKING PRODUCT
AND SERVICE.

MAJOR INDICATORS

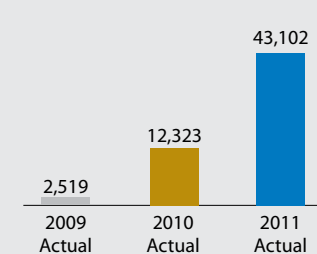


No	Major indicators	2009 (Actual)	2010 (Actual)	2011 (Planned)	2011 (Actual)	Actual/plan 2011
1	Total assets (billion VND)	7,270	13,718	19,000	13,225	69.61%
2	Deposit from customers (billion VND)	3,514	7,291	10,000	7,030	70.30%
3	Loans and advances to customers (billion VND)	2,256	5,615	6,700	6,713	100.19%
4	Number of branches	11	26	31	30	96.77%
5	Profit before tax (billion VND)	76	177	200	154	77.00%
6	Profit after tax (billion VND)	63	133	150	116	77.00%
7	Capital Adequacy Ratio - CAR	35%	21%	> 9%	22%	

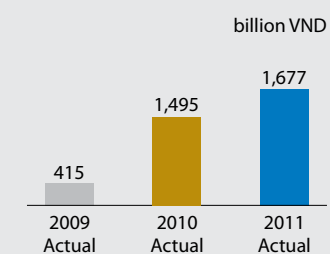
RETAIL BANKING



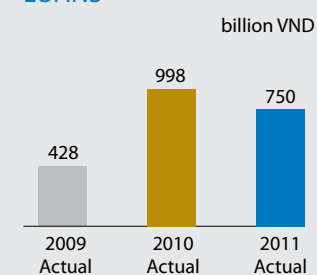
NUMBER OF CUSTOMERS



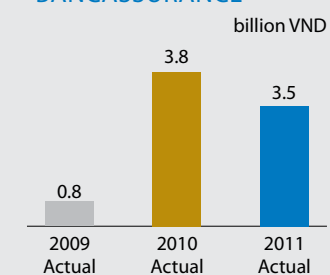
SAVINGS AND DEPOSITS



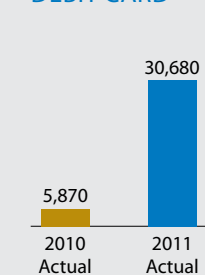
LOANS



BANCASSURANCE



DEBIT CARD



Strictly complying with the State Bank's guidelines in the context of fierce competitive environment, Retail Banking has encountered a series of difficulties and challenges. However, thanks to good business management and determination of employees, Retail Banking has still obtained certain results.

BUSINESS PERFORMANCE

Being affected by the complicated economic fluctuations and changes in interest rates policy by the State Bank, Retail Banking Division faced many obstacles in fund raising. Total savings and deposits in 2011 have once peaked at 2,300 billion VND and remained 1,677 billion VND at year-end, an increase of 12% over 2010.

The State Bank's credit growth cap of 20% and non-production credit restriction required BAOVIET Bank to adjust credit activities against its initial plan. Accordingly, the outstanding loans of Retail Banking Division (mainly personal consumption loans) decreased to 750 billion VND in 2011, an equivalent of 75% over the year 2010.

Bancassurance income depends strongly on credit growth. Hence, the decline in credit growth has resulted in the decrease of Bancassurance income of Retail Banking Division which reached solely 3,460 billion VND, made up a decrease of 10% compared to 2010.

A positive point in such difficult year of 2011 is that thanks to customers' preference and trust, Retail Banking Division has successfully drawn more than 30,000 new customers, made up an increase in cumulative number of CIF at year end up to 43,102 CIF, an increase of 250% compared to the year 2010. The number of Debit card issued reached 30,680 units, making a four-fold rise over 2010.

IMPLEMENTED SOLUTIONS

THE EFFORT TO IMPROVE AND DEVELOP PRODUCTS

Aiming at becoming the leading local retail bank in the future, Retail Banking Division has been making incessant efforts to develop new products which suit the increasingly diverse demands of customers. In 2011, additional 8 new products were successfully launched by Retail Banking Division, raising total number of products for individual customers to 47.

In addition to the traditional products, BAOVIET Bank focused on developing and improving the advanced and versatile products with integrated features, especially e-banking products. Following the successful connection of the ATM system with Smartlink Card Alliance and VNBC, BAOVIET Bank successfully connected its POS system with BanknetVN. Currently, BVLink and BVIP card holders can perform transactions through approximately 50,000 POSs of 29 banks under 3 card-switching organizations namely Smartlink, BanknetVN and VNBC. BAOVIET Bank's ATM not only accepts domestic cards of all domestic banks, but also facilitates cash advance service for a wide range of international cards (VISA, MasterCard, JCB, CUP, and so forth).

The debit card products, BVLink and BVIP, are integrated with features such as EZ-Billing, EZ-Topup and EZ-Saving, enabling customers to perform many financial transactions (bill payment, savings, etc) conveniently through various facilities (Internet Banking, Mobile Wap and SMS Banking). In 2011, Retail Banking Division also successfully launched BVIP package which was a combined, complete and comprehensive package of Financial – Investment - Insurance Services, offering utmost benefits to customers, diversifying the system of retail banking products offered by BAOVIET Bank.

The above-mentioned product development and improvement have contributed to the success of Retail Banking Division in raising the quantity of domestic debit cards issuance and in developing new CIF in 2011.

IMPLEMENTATION OF MARKETING AND CUSTOMER CARE ACTIVITIES

With ceaseless efforts to deliver BAOVIET Bank products to customers, in 2011, Retail Banking Division launched various programs such as “Mừng Sinh nhật, đón Tân Mão”, “Nạp tiền trả cước, Rước lộc xuân về”, “Thay lời tri ân”, “Tích Lộc Tài, xài LX”, etc. Such programs attracted special attention from customers, brought about remarkable efficiency and actively supported the business activities of entire retail banking system and joined force to spread BAOVIET Bank's brand name.

Retail Banking Division also embraced the regular customer care through monthly preferences program namely “Golden Address” offered to BVLink and BVIP cardholders in connection with partner restaurants, shopping centers, health care, etc.

DIVERSIFYING AND OPTIMIZING THE POTENTIAL FROM PARTNERS, BROADENING THE CUSTOMER BASE

Retail Banking Division has been aware of the importance of establishing the network of strategic partner in many aspects. In e-banking sector, Retail Banking Division has promoted close connection with financial and banking partners through the alliance network of POS and ATM cards.

Taking advantages of membership of Bao Viet Holdings and advantages of major shareholders, Retail Banking Division has boosted the co-operation with BAOVIET Holdings and its subsidiaries such as Bao Viet Securities, Bao Viet Insurance, Bao Viet Life Insurance, Bao Viet Investment, Bao Viet Fund Management as well as the corporation with BAOVIET Bank's corporate shareholders such as CMC, HIPT, Vinamilk, etc... in order to provide them with banking products and services. BAOVIET Bank has also made full use of Bao Viet Insurance's accumulated prestige by cooperating with this company in offering Bancassurance products which provide customers with plenty of financial and insurance benefits.

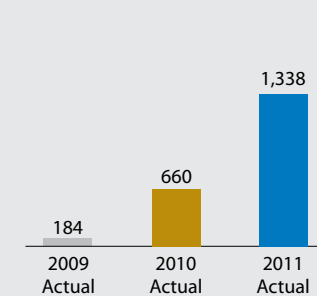
In addition to in-house co-operation, Retail Banking Division has actively worked with partners who were also BAOVIET Bank's corporate customers on mutual benefits basis to provide their employees with a wide range of products from deposits, loans, insurance, securities, cards and e-banking. Thanks to this strategy, the CIF increased sharply, co-operation quality is maintained and remained stable, whereas partners' potential was optimized.

Despite many challenges in 2011, Retail Banking Division has achieved certain remarkable outcomes. The model of a retail bank was gradually implemented and recorded with initial successes. Retail products and services have been constantly developed and improved, obtaining positive feedbacks from customers. This would be an important premise for the development of Retail Banking Division in particular and BAOVIET Bank in general in 2012.

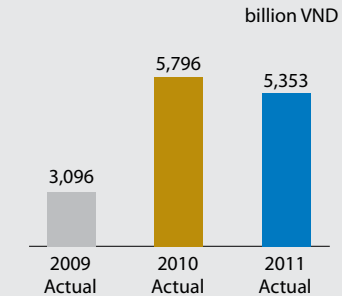
COMMERCIAL BANKING



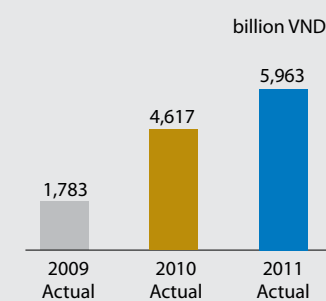
NUMBER OF CUSTOMERS



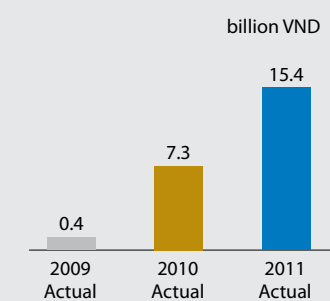
DEPOSITS



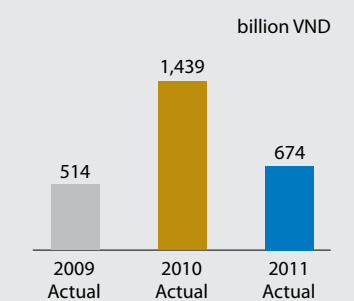
LOANS



BANCASSURANCE



TRADE FINANCE



In the context of economic difficulties characterized by lower-than-expected growth rate, high inflation (albeit under control gradually), financial market turmoils, Commercial Banking Division has made great efforts to implement its business plan and achieved certain results in 2011.

BUSINESS PERFORMANCE

As at 31st December 2011, BAOVIET Bank had 1,338 corporate customers, doubling the number in 2010.

Corporate deposits reached 5,353 billion VND. In spite of such moderate result in the context of high inflation and tightening monetary policy conducted by the State Bank, Commercial Banking Division has made certain successes in maintaining and expanding traditional sources of fund, and strictly observed the provisions of the State Bank on interest rate ceiling.

Outstanding loans reached 5,963 billion VND, representing an increase of 29% over 2010. In 2011, the Commercial Banking Division has managed the credit policy flexibly in order to fulfill the tripple targets of satisfying disbursement requirements of the customers who were granted with credit lines, developing new customers and keeping the credit growth of the entire division below the cap stipulated by the State Bank.

Bancassurance income reached 15.4 billion VND, a two fold rise over 2010. However, this results did not commensurate with BAOVIET Bank's expectations and potentials. Bancassurance is closely linked to credit activities. Therefore, the credit safety target in 2011 partially affected the Corporate Banking Division's Bancassurance income.

Trade finance (L/C, collection, excluding remittance) reached 674 billion VND, decreased by 53% compared to 2010. In 2011, the trade finance activity of Commercial Banking Division was also affected by the credit growth restriction policy.

IMPLEMENTED SOLUTIONS

INTENSIVE PRODUCT DEVELOPMENT

In a severe competitive environment, provision of products which suit each targeted customer segment plays a very important role in attracting and retaining customers. Comprehending this concept, BAOVIET Bank has developed and launched product development strategies in 2011 as follows:

- Comprehensive development of traditional products such as Credit, Guarantees, Deposits, Payments and Trade finance;
- Intensive development of specialized credit products by sectors and region to suit each customer segment such as Credit products for Rice, Coffee and Milk industry; Credit products for the import and export businesses, etc;
- Diversification of complementary products to facilitate more utilities for corporate customers such as Cash Flow Management, Payroll Payment, Budget Payment Collection, etc;
- Development of product packages with many facilities which best meet the diverse needs of customers;
- Development of products applicable on Internet Banking platform to offer enhanced convenience to customers.

The product development was performed in a closed process from the stages of Concept, Product Design, Testing, Deployment to Product Monitoring, Evaluation and Adjustment.

DEVELOPMENT OF PROFESSIONAL SALES TEAM IN COMBINATION WITH NETWORK BROADENING

As a new bank, in order to be able to compete and draw customers, the network development should be launched in attachment with the rapid development of professional sales team. 2011 recognized BAOVIET Bank's special attention on developing the sales team to serve the corporate customers by:

- Selectively recruiting team of customer relationship managers;
- Designing specific job descriptions for each position;
- Organizing regular training courses on products and sales skills;
- Developing Key Performance Indicator system (KPI) for each position.

ENHANCEMENT OF SUPPORTS TO THE BUSINESS UNITS

- Designing the clear business orientations and plans for each business unit;
- Developing and deploying interest rate policy, customer policy and sales policy;
- Organizing the sales competition program;
- Directly supporting the sales team in specific transactions with customers.

INTENSIFICATION OF CONTROL TO LIMIT RISK AND ENSURE COMPLIANCE

The year of 2011 recorded the State Bank's implementation of measures set forth in Government's Resolution No. 11 on inflation control and macroeconomic stabilization. Therefore, along with business development, the Commercial Banking Division co-ordinated with the Risk Management Division to manage the safety norms and in order for the compliance to provisions promulgated by the State Bank, namely:

- Compliance with regulations on interest rate cap;
- Compliance with annual credit growth cap of 20%;
- Compliance with non-production loans ratio: below 22% as at 30th June 2011 and below 16% as at 31st December 2011;

TREASURY OPERATION



- In the hard times of liquidity problems (From January to April 2011 and from October to December 2011), BAOVIET Bank is continually applying flexible liquidity control policies: conducting Government Bond repo transactions at the right time, employing the Government Bond portfolio with high flexibility, performing an extremely close management of cash flow. Especially, BAOVIET Bank did not “trap” in hot deposit growth, featured by transferring capital from interbank market to market 1, the result of which many commercial banks are suffered. The success in ensuring liquidity safety throughout the years has been asserting BAOVIET Bank’s position and prestige on interbank market and community.

- Active participation in money market operations with the State Bank, namely: participating in the open market operations, overdraft, overnight loan, etc; optimizing the balances from the State Bank to meet the requirements of liquidity management and help reducing the capital cost and improving operation performance.

- BAOVIET Bank has established a certain reputation on interbank market in capital transactions so that many big commercial banks maintained regular clean capital transactions with BAOVIET Bank.

- BAOVIET Bank satisfied customers’ demands for foreign currencies by balancing the supply and demand in the entire network and on interbank market. BAOVIET Bank timely served the demands of buying and selling foreign currencies of BAOVIET Holdings and its affiliates to settle oversea payments in hard market conditions.

- In the context of rapid and unforecastable market changes, BAOVIET Bank has quickly recalled the loaned capital on interbank market and minimized the risk of prolonged debts so as not to put reverse effect on liquidity.

- Bond and repo deals were effectively boosted up, brought about practical efficiency to BAOVIET Bank itself, BAOVIET Holdings and its affiliates.

- Actively mobilize capital from financial institutions (insurance, securities, and others) and big corporate customers, thus contributing to fulfill the bank’s general plan. By December 31, 2011, deposits mobilized by the Treasury Division was 4.111 billion VND, accounting for 59% of total deposits from corporate and individuals of the bank, and surpassing the yearly plan by 29%.



The year of 2011 recorded a particularly challenging time for banking system’s liquidity, especially for medium and small banks. The target of ensuring liquidity was put on top priority throughout the Treasury Division. However, the mission of profit optimization for banks with allowable risk on interbank money market, bond market and foreign exchange market was kept persisting but under strict controls which resulted in appreciable successes:

Being aware of difficulties and challenges emerged from the financial market in the context that the State Bank continued to implement the tight and cautious monetary policy in 2012, the Treasury Division has defined a “dynamic and flexible” business strategy, in a bid to continue implementing its centralized management of capital resources, ensuring liquidity and business development, making the best use of all opportunity from the fluctuations on the market to bring in optimal efficiency to the bank.

RISK MANAGEMENT



THE PRINCIPLES OF RISK MANAGEMENT

BAOVIET Bank has placed importance on creating a sense of cautiousness on risk management, enhancing all managers' capacity of recognizing and analyzing issues related to all kinds of risks, and regularly reviewing its operation to evaluate strategies developed for each type of work and each function, as well as risks in these areas. BAOVIET Bank has deployed a risk governance system by an organizational structure that ensures detachment of profit-making function from risk management function. The Risk Management Division is responsible for initiating policies and tools to manage various types of risks facing the bank.

The year of 2011 was recorded with some outstanding achievements of BAOVIET Bank's Risk Management operation, concretely:

- Continually developed, evaluated, amended and supplemented necessary documents related to Risk Management to boost business operation on the basis all risk were put under strict controls.
- Credit appraisal was conducted carefully and timely in the context of inadequate number of employees. The coordination between the credit appraisal team and business units ran smoothly.
- Credit Supervision represented its role in controlling of post-approved loans. Bad debt management team actively supported the branches and/or directly involved in recovery of bad debts.
- Non-Credit Risk Management unit and Asset and Liability Management (ALM) unit successfully upheld their role of management in banking operation and was driving on the right direction and progress.



CREDIT RISK

- Executing centralized risk management over credits to create cohesion between orientations on client/ business development and orientations/policies on risk management.
- Implementing management over the list of credits by assessing and analyzing sectors where risks visit frequently, setting up credit limit equivalent to risk level that can be accepted by BAOVIET Bank.
- Deploying internal credit rating system for corporate clients, individual clients and business households.
- Building and stipulating documents, regulations, procedures, and instructions on credit activities, from marketing, developing and appraising customers, to approving credits and managing these credits after approved; concurrently applying and developing management solutions (Core Banking T24) and other applications to support other divisions during the process of managing loans.
- Managing and monitoring credits via periodic or purpose-driven inspections over credit records, directly checking clients and guarantee assets, and frequently reviewing evaluations on credit products already made public.
- Conducting periodic reports to the State Bank, and other internal periodic reports.
- Deploying the system of reports and supervision in accordance with the new requirements from the State Bank as regulated in Circular number 1, Circular number 3, etc.

LIQUIDITY AND MARKET RISK

- As Risk Management in banking has been under well awareness of great importance right from the beginning of operation, BAOVIET Bank has established independent divisions tasked to deal with market - liquidity risks; basically developed and issued an adequate system of documents on market - liquidity risk management, including: Regulations on Liquidity Risks Management, Regulations on Market Risks Management, etc. which detail tools to serve the identification, evaluation, control and management as well as warning indicators of risks, etc.
- Firm, continuous and frequent cooperation has been made among Risk Management Division and other Business lines, especially with Treasury Division to manage Market - Liquidity risks, such as to identify risks, develop measurement tools and set up limit systems for controlling purpose, etc. Furthermore, the Information Technology Centre provides great assistance to handle issues regarding data extraction, establishment of automatic risk management reporting system and other monitoring software. The Market - Liquidity Risk Management Department also receives supports from BAOVIET Holdings through regular workshops and short-term training courses to adopt knowledge and skills from HSBC experts.
- Maintaining regular and extraordinary ALCO and Risk Management Council meetings to promptly update news on market changes and BAOVIET Bank operation as well as to make timely management policies.

- Besides ensuring all prudent ratios as regulated by the State Bank of Vietnam, BAOVIET Bank has set other limits for internal control purpose including: Liquidity Risk limit, NOP limit, Stop - loss limit for FX trading, bond investment and trading limits, etc. The practice of measuring, supervising and reporting all rates and limits are maintained daily, weekly and monthly to comply with the State Bank and BAOVIET bank's regulations.
- Regarding Liquidity risk management, BAOVIET Bank has been carrying on deploying and collecting historical data to develop risk management tools based on customer behaviors in order to precisely measure the Bank's liquidity position, set limits and establish a system of warning indicators for Liquidity risk management.
- Regarding Market risk management, BAOVIET Bank concentrates on the two most affecting risks: Interest rate risks and exchange rate risks. Centralized mechanism of managing Interest rate risks and exchange rate risks at the Head office have proved their efficiency as regulations and adjustments have been applied promptly, actively to catch up with complicated market changes.
- Researching, building, developing, improving tools and models in order to supervise and manage Market risks, such as: measuring the difference of the interest rate sensitivity between Assets and Liabilities (Repricing gap, Gap PV01, etc.); analyzing the effects of interest rate and exchange rate on the value of Assets and Net interest income (NII) of BAOVIET Bank (VaR, EaR, etc.); Mark to market trading portfolios; etc. These efforts are approach to manage risks systematically and efficiently in line with international practices and standards.

OPERATIONAL RISK

- BAOVIET Bank has developed a relatively complete system of procedures of all operation processes. All operation procedures are required separation between input person and authorizer and highlight the supervising stage in each process. BAOVIET Bank has also issued regulations on T24 users management, anti-money laundering, and risk management on Internet banking and operational risk management.
- BAOVIET Bank has oriented to build up the framework for operational risk management in line with Basel II, in order to create a basis for organization, information management mechanism of operational risk management practice from identifying risks, measuring risks, prevention and mitigation of risks and mechanism of surveillance and reporting. The establishment of an independent operational risk management division reflected awareness of the Board of Directors and the Management Board of the importance of developing operational risk management along with business development.
- Regularly updating anti money laundering and international terrorist financing (AML/ATF) black-list to launch the warning program throughout the system and other AML reports.

INFORMATION TECHNOLOGY



- BAOVIET Bank has placed great attention to system operation in order to best support its staff in every professional and technological activities. Applications and database management were also initially launched.
- The IT Center has also been recruiting more qualified staffs and applied the cross assignment between operational groups to ensure support resources.

DIRECTIONS AND TASKS IN 2012

- Employing more professional staffs and technicians to ensure timely troubleshooting failures of existing system in line with deploying and upgrading the core systems (T24, WAY4) and to develop new applications; recruiting more employees for the following fields: Security, Database Management, Data & Application Management.
- Continually implementing the project "Information Technology Equipments Supply - Phase I" (with the aim at upgrading the servers for system management applications, retrofitting Security Devices for Prevention of Intrusion into BAOVIET Bank IT System).
- Continually implementing other IT projects such as: Upgrading the Core Banking T24, BPM & ECM (Business Process Management and Document Management) project. These projects will boost up processing capacity and fix the shortcomings of existing system as well as strengthen the centralized management mechanism, and reduce the level of operational risk of the entire system.
- Promoting the development of card products and e-banking function on applications such as: Internet banking, mobile banking, phone banking and ATM.



ACTIVITIES IN 2011

- In 2011, the IT Center successfully ensured the stable operation of main systems including Core Banking system and Card system. In addition, IT Center also developed more utility modules on Core Banking system which helped facilitating the operation of the entire system with more convenience.
- IT Center successfully implemented several key projects such as the launching of BVIP packages, the VAT invoice printing application, and the statistical reporting system in line with Circular No. TT21 by SBV.
- The Management Information System (MIS-03) was upgraded; Internet banking system was added with more functions.

CENTRALIZED OPERATION



- The number of L/C issued by BAOVIET Bank made up 96% of international payment operations; export collection in 2011 increased by 254% over 2010 in term of cases and 744% in term of turnover. This demonstrated that the brand name of BAOVIET Bank and its reputation are now widely accepted on international market.
- Remittance service achieved significant growth in both quantity and quality. The rate of straight-through processing messages was almost 100%. The payment solution via Internet Banking application gained high preference from customers for its utility, safety, time saving and flexible cut-off time.
- The Credit Operation Division and Treasury Division had made continuous improvements on procedures, proposed and coordinated with the Information Technology Division to develop and improve the operational applications on the system in order to enhance productivity.

In 2011, the Operation Division has effectively promulgated and implemented centralized banking operation procedures, ensuring quick and smooth operating processes and in compliance with the regulations of BAOVIET Bank and the State Bank of Vietnam. In addition to the performance of operational duties upon requirements from business units, departments of Operation Division at the headquarters has provided direct guidance, consultancy and recommendations to business units so as to minimize the risks for business units and customers during the course of using BAOVIET Bank's products; The operation Division has also organized training courses for staffs from branches to ensure the proper implementation of the operations standards set forth by BAOVIET Bank and current laws.

In 2012, with the determination to develop the centralized management model, the Operation Division will continue strengthening its model and personnel structure to provide safeguard to operation efficiency to serve as foundation for the fast and firm growth of BAOVIET Bank.



In 2011, BAOVIET Bank continued strengthening the centralized management model, which is clearly demonstrated in the performance of centralized operations functions of the entire system at the headquarters including the Payment Operation (domestic and international), Trade Finance Operation, Card Operation, Treasury Operation and Credit Operation.

With the application of centralized operations at the Headquarters, BAOVIET Bank's branches have been streamlined and compacted, enabling the bank to carry out its network expansion plan quickly and smoothly, thus contributing to enlarging BAOVIET Bank's scope of operation, and creating its competitive position in a fierce race against other local commercial banks. The model has been applied since the very early days of BAOVIET Bank's operation and proved definitely efficient under orientations adopted by BAOVIET Bank's management board. The advantages of centralized operation model were clearly demonstrated with the enhancement of productivity and work efficiency.

HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT



- Give due attention to recruitment to fulfill key positions at the Headquarters and meet personnel demand for the bank's network expansion and development plan. As at 31st December 2011, the number of employees at BAOVIET Bank was 646 of which the number of staffs who had university and post-graduate degrees made up 85%.

- Provide more equipments and facilities for training activities at two place: in the North (in Hanoi) and in the South (Ho Chi Minh city); Organize training courses throughout the system including integration training for new staffers along with advanced skills training courses for employees through the internal seminars and appointing staff to participate in training courses organized by domestic and international organizations.

- Apply a competitive remuneration policy compared with other commercial banks based on performance of each person and team; launch the emulation movements, initiating the rewards, and creating competitive, dynamic and effective working environment.

- Build corporate culture based on young staff structure with more than 50% of the employees are under 30 years old. This is a young workforce with enthusiasm, eager to learn and motivation. Besides the training courses to improve working skills, BAOVIET Bank also pays attention to connected peers movements, extra-activities to enhance solidarity, creating a friendly working environment, understanding and caring.

In 2012, BAOVIET Bank continues promoting HR development, applying new recruitment model to serve the network development plan, striving to build an attractive working environment for all employees in every aspects of corporate culture, remuneration mechanisms and opportunities of job promotion.



Human resource is regarded the key to the development of the economy in general and of enterprises in particular, especially enterprises in service sector. comprehending this concept, BAOVIET Bank focused on developing and strengthening its human resources at all level.

OPERATION NETWORK

IN HANOI

BAOVIET Bank Headquarters

Address: Bao Viet Building,
No.08 Le Thai To Str., Hoan Kiem Dist.
Tel: 84 - 4 - 3928 8989
Fax: 84 - 4 - 3928 8899
Email: hoiso@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Transaction Office

Address: CMC building, Duy Tan Str.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.
Tel: 84 - 4 - 3795 8606
Fax: 84 - 4 - 3795 8608
Email: sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Ba Trieu

Address: No.94 Ba Trieu Str.,
Hoan Kiem Dist.
Tel: 84 - 4 - 3944 8657
Fax: 84 - 4 - 3944 8658
Email: pgdbrt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Van Mieu

Address: No.71 Ngo Si Lien Str.,
Dong Da Dist.
Tel: 84 - 4 - 3732 6506
Fax: 84 - 4 - 3732 6508
Email: pgdvm-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank My Dinh

Address: No.8, Nguyen Co Thach Str.,
Tu Liem Dist.
Tel: 84 - 4 - 3763 3176 / 77
Fax: 84 - 4 - 3763 3178
Email: pgdmd-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Dao Tan

Address: No.14 Dao Tan Str.,
Cong Vi Ward, Ba Dinh Dist.
Tel: 84 - 4 - 3211 5400/ 01
Fax: 84 - 4 - 3211 5402
Email: pgddt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Trung Hoa

Address: No. 3, lot 4A, Trung Yen Str.,
Yen Hoa Ward, Cau Giay Dist.
Tel: 84 - 4 - 3783 4704/ 05
Fax: 84 - 4 - 3783 4706
Email: pgdth-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Ton Duc Thang

Address: No.245 Ton Duc Thang Str.,
Hang Bot Ward, Dong Da Dist.
Tel: 84 - 4 - 3513 4264/ 65
Fax: 84 - 4 - 3513 4263
Email: pgdtdt-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Hoang Cau

Address: No.07/100 Hoang Cau Str.,
O Cho Dua Ward, Dong Da Dist.
Tel: 84 - 4 - 3513 4356
Fax: 84 - 4 - 3513 4358
Email: pgdhc-sgd@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Ha Noi

Address: No.08 Pham Ngoc Thach
Kim Lien Ward, Dong Da Dist.
Tel: 84 - 4 - 3574 7666
Fax: 84 - 4 - 3574 7136
Email: cn-hanoi@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Tran Xuan Soan

Address: No.38 Tran Xuan Soan,
Ngo Thi Nham Ward, Hai Ba Trung Dist.
Tel: 84 - 4 - 39335707
Fax: 84 - 4 - 3933 5687
Email: pgdtxs-sgd@baovietbank.vn

IN HOCHIMINH CITY

BAOVIET Bank Ho Chi Minh

Address: Bao Viet Building
No. 233 Dong Khoi, Dist. 1
Tel: 84 - 8 - 3824 5303
Fax: 84 - 8 - 3822 7481
Email: cn-hochiminh@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Saigon

Address: No. 1119 Tran Hung Dao Str.,
Dist. 5
Tel: 84 - 8 - 3924 6365
Fax: 84 - 8 - 3924 6366
Email: cn-saigon@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Nguyen Van Cu

Address: No.146 Nguyen Van Cu Str.,
Dist. 1
Tel: 84 - 8 - 3836 0660
Fax: 84 - 8 - 3836 0663
Email: pgdnvc-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Lac Long Quan

Address: No. 694 Lac Long Quan Str.,
Ward 9, Tan Binh Dist.
Tel: 84 - 8 - 3975 5871
Fax: 84 - 8 - 3975 5872
Email: pgdlq-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Hang Xanh

Address: No. 265 Xo Viet Nghe Tinh Str.,
Ward 10, Binh Thanh Dist.
Tel: 84 - 8 - 3551 5234
Fax: 84 - 8 - 3551 5224
Email: pgd hx-cnHCM@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Quang Trung

Address: No.388 Quang Trung Str.,
Go Vap Dist.
Tel: 84 - 8 - 3921 2325/24
Fax: 84 - 8 - 3921 2322
Email: pgdqtc-cnHCM@baovietbank.vn

IN HAI PHONG

BAOVIET Bank Hai Phong

Address: No.99 Bach Dang Str.,
Ha Ly Ward, Hong Bang Dist.
Tel: 84 - 031 - 3529 966 / 86
Fax: 84 - 031 - 3529 788
Email: cn-haiphong@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Tran Nguyen Han

Address: No.280 Tran Nguyen Han Str.,
Niem Nghia Ward, Le Chan Dist.
Tel: 84 - 031 - 3786 882 / 83
Fax: 84 - 031 - 3786 884
Email: qtktnh-cnHP@baovietbank.vn

IN NGHE AN

BAOVIET Bank Nghe An

Address: No.105 Nguyen Thi Minh Khai,
Le Mao Ward, Vinh City
Tel: 84 - 38 - 3550 669
Fax: 84 - 38 - 3550 699
Email: cn-nghean@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Truong Thi

Address: No.87 Nguyen Van Cu Str.,
Truong Thi Ward, Vinh City
Tel: 84 - 38 - 3550 656 / 67
Fax: 84 - 38 - 3550 665
Email: qtktt-cnNA@baovietbank.vn

BAOVIET Bank Ben Thuy

Address: 180 Nguyen Du Str.,
Ben Thuy Ward, Vinh City
Tel: 84 - 38 - 3550 626
Fax: 84 - 38 - 3550 828
Email: pgdbrt-cnNA@baovietbank.vn

IN DA NANG

BAOVIET Bank Da Nang

Address: No.86-88 Nguyen Van Linh Str.,
Nam Duong Ward, Hai Chau Dist.
Tel: 84 - 0511 - 353 8688
Fax: 84 - 0511 - 353 9988
Email: cn-danang@baovietbank.vn

IN DAK LAK

BAOVIET Bank Dak Lak

Address: No. 26 Le Thanh Tong,
Thang Loi Ward, Buon Me Thuot City
Tel: 84 - 500 - 3989 989
Fax: 84 - 500 - 3939 989
Email: cn-daklak@baovietbank.vn

IN CAN THO

BAOVIET Bank Can Tho

Address: No. 90-92 Tran Van Kheo Str.,
Cai Khe Ward, Ninh Kieu Dist.
Tel: 84 - 0710 - 3760 770
Fax: 84 - 0710 - 3760 775
Email: cn-cantho@baovietbank.vn



YOUR HAPPY
SMILE WILL
SPREAD
WHENEVER
YOU DO
BANKING
WITH US.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Shareholders of
Bao Viet Commercial Joint Stock Bank**

We have audited the financial statements of Bao Viet Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") as set out on pages from 5 to 65 which comprise the balance sheet as at 31st December 2011, the income statement and the cash flow statement for the financial year then ended and the notes thereto.

The preparation and presentation of these financial statements are the responsibility of the Bank management. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Basis of Opinion

We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by Bank management, as well as evaluating the overall presentation of financial statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

In our opinion, the financial statements, give a true and fair view of the financial position of the Bank as at 31st December 2011 and of the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and Accounting System for Credit Institutions and comply with other relevant regulations by the State Bank of Vietnam.

Ernst & Young Vietnam Limited



Vo Tan Hoang Van

Vo Tan Hoang Van
Deputy General Director
Certificate No. 0264/KTV

Hanoi, Vietnam 15 March 2012

Tran Thi Minh Tien

Tran Thi Minh Tien
Auditor
Certificate No. 1331/KTV

FINANCIAL STATEMENTS

BALANCE SHEET AS AT 31 DECEMBER 2011

VND

ASSETS	31 Dec 2011	31 Dec 2010 Re-stated
Cash on hand, gold and gemstones	107,495,323,535	122,623,520,804
Balances with State Bank of Vietnam ("the SBV")	223,673,334,925	238,513,449,731
Due from the banks	3,258,842,856,204	4,355,565,558,413
Placements with other banks	3,063,517,856,204	3,827,956,708,413
Loans and advances to other banks	196,000,000,000	529,397,600,000
Provision for credit losses of loans to other banks	(675,000,000)	(1,788,750,000)
Trading securities	543,086,100,000	674,416,600,000
Held-for-trading securities	543,086,100,000	674,416,600,000
Provision for impairment of held-for-trading securities	-	-
Derivatives and other financial assets	-	-
Loans and advances to customers	6,633,211,500,804	5,581,744,627,368
Loans and advances to customers	6,712,706,763,411	5,615,167,793,498
Provision for credit losses	(79,495,262,607)	(33,423,166,130)
Investment securities	2,090,858,489,727	2,288,627,529,102
Available for sale securities	2,090,858,489,727	2,288,627,529,102
Held-to-maturity securities	-	-
Provision for impairment of investment in securities	-	-
Long-term investments	-	-
Investment in joint ventures	-	-
Investment in associates	-	-
Other long-term investments	-	-
Provision for impairment of long-term investments	-	-
Investment in joint ventures	-	-
Fixed assets	84,248,112,513	80,777,535,213
<i>Tangible fixed assets</i>	<i>51,707,978,669</i>	<i>39,156,050,995</i>
Cost	74,137,390,383	49,169,735,513
Accumulated depreciation	(22,429,411,714)	(10,013,684,518)
<i>Financial lease assets</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cost	-	-
Accumulated depreciation	-	-
<i>Intangible fixed assets</i>	<i>32,540,133,844</i>	<i>41,621,484,218</i>
Cost	57,699,920,363	54,576,428,857
Accumulated amortization	(25,159,786,519)	(12,954,944,639)
Investment property	-	-
Cost	-	-
Accumulated depreciation	-	-
Other assets	283,505,266,020	378,708,766,382
Receivables	27,491,206,525	128,735,640,296
Accrued interest income	228,470,699,289	221,219,881,335
Deferred enterprise income tax	-	-
Other assets	27,543,360,206	28,753,244,751
<i>In which: Good will</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Provision for impairment of other assets	-	-
TOTAL ASSETS	13,224,920,983,728	13,720,977,587,013

BALANCE SHEET AS AT 31 DECEMBER 2011

VND

LIABILITIES	31 Dec 2011	31 Dec 2010 Re-stated
Borrowings from the Ministry of Finance and the SBV	858,975,631,831	1,593,235,333,373
Deposits and borrowings from other banks	3,572,928,705,159	3,019,960,785,943
Deposits from other banks	3,572,928,705,159	3,019,960,785,943
Borrowings from other banks	-	-
Customer deposits and other amounts due to customers	7,029,847,748,380	7,291,211,679,405
Derivative financial instruments and other financial liabilities	-	-
Debts issued and other borrowed funds	-	-
Valuable papers issued	-	-
Other liabilities	91,957,550,929	167,924,815,907
Accrued interest expense	58,709,031,259	95,170,024,486
Deferred tax payables	-	-
Other payables	31,819,108,648	69,009,783,957
Provision for contingent liabilities and commitments	1,429,411,022	3,745,007,464
TOTAL LIABILITIES	11,553,709,636,299	12,072,332,614,628
OWNERS' EQUITY		
Capital and reserves		
Capital	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
Chartered capital	1,500,000,000,000	1,500,000,000,000
Capital to purchase fixed assets	-	-
Capital surplus	-	-
Treasury shares	-	-
Preferential shares	-	-
Other capitals	-	-
Reserves	45,703,875,969	28,365,919,714
Foreign currency translation reserve	-	-
Asset revaluation reserve	-	-
Undistributed earnings / Accumulated losses	125,507,471,460	120,279,052,671
TOTAL OWNERS' EQUITY	1,671,211,347,429	1,648,644,972,385
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY	13,224,920,983,728	13,720,977,587,013

OFF BALANCE SHEET ITEMS

VND

	31 Dec 2011	31 Dec 2010 Re-stated
Contingencies		
Credit guarantees	-	-
Letters of credit	65,836,555,555	234,468,403,536
Other guarantees	74,479,974,707	81,382,221,188
Commitments		
Funding commitments to customers	-	-
Other commitments	-	-
	140,316,530,262	315,850,624,724

Prepared by


Mr. Lai Van Hai
Accountant

Approved by


Ms. Do Thi Phuong Lan
Acting Chief AccountantMr. Nguyen Hong Tuan
Acting General Director

Hanoi, Vietnam, 15 March 2012

INCOME STATEMENT
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2011

VND

	For year ended 31 December 2011	For year ended 31 December 2010 Restated
Interest and similar income	1,684,294,370,445	920,720,951,902
Interest and similar expenses	(1,317,058,943,910)	(632,649,507,831)
Net interest and similar income	367,235,426,535	288,071,444,071
Fees and commission income	18,404,360,021	15,833,714,048
Fees and commission expenses	(10,324,982,536)	(5,546,370,401)
Net gain from fees and commission income	8,079,377,485	10,287,343,647
Net gain from foreign currencies trading	4,482,529,877	13,111,279,638
Net gain from securities trading	57,236,912,391	43,993,322,604
Net gain/(loss) from securities investment	(386,712,022)	702,397,011
Other operating income	444,133,329	856,361,338
Other operating expenses	(351,888,660)	(483,362,995)
Net other operating income	92,244,669	372,998,343
Net gain/loss from investments in joint ventures, associates and dividend income	-	-
TOTAL OPERATING INCOME	436,739,778,935	356,538,785,314
Personnel expenses	(92,399,150,773)	(62,209,575,963)
Depreciation and amortization charges	(24,634,601,027)	(14,431,718,993)
Other operating expenses	(122,948,110,375)	(72,013,377,336)
OPERATING EXPENSE	(239,981,862,175)	(148,654,672,292)
Profit before provision for credit losses	196,757,916,760	207,884,113,022
Reversal for credit losses of loans to other credit institutions	-	-
Provision for credit losses of loans to customers	1,113,750,000	1,058,968,600
(Provision)/Reversal for contingent liabilities and off-balance sheet commitment	(46,072,096,477)	(28,004,378,541)
	2,315,596,442	(3,214,284,552)
PROFIT BEFORE TAX	154,115,166,725	177,724,418,529
Current enterprise income tax	(38,528,791,681)	(44,431,104,632)
Deferred enterprise income tax	-	-
Enterprise income tax ("EIT")	(38,528,791,681)	(44,431,104,632)
Profit after tax	115,586,375,044	133,293,313,897
Basic earnings per share	771	889

Prepared by


Mr. Lai Van Hai
Accountant

Approved by


Ms. Do Thi Phuong Lan
Acting Chief AccountantMr. Nguyen Hong Tuan
Acting General Director


Hanoi, Vietnam, 15 March 2012

STATEMENT OF CASH FLOW
FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2011

	2011	2010
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES		
Receive of interest and similar income	1,677,043,552,491	824,214,117,479
Payment of interest and similar expense	(1,353,519,937,137)	(576,784,984,513)
Fees and commission proceeds	8,079,377,485	10,287,343,647
Net proceeds from foreign currencies, gold and securities trading	61,332,730,246	57,806,999,253
Other operating proceeds	92,244,669	542,467,214
Proceeds from written-off bad debts	-	-
Payment to employees	(210,210,852,237)	(124,867,182,318)
Payment of enterprise income tax in the year	(41,952,686,031)	(48,523,879,208)
Net cash flows from operating profit before changes in operating assets and liabilities	140,864,429,486	142,674,881,554
Changes in operating assets		
Decrease in due from banks	907,147,600,000	763,179,360,000
(Increase)/decrease in trading securities	329,099,539,375	(2,013,977,688,065)
(Increase)/decrease in derivatives and other financial assets	-	-
Increase in loans and advances to customers	(1,097,538,969,913)	(3,359,599,163,205)
Decrease in provision for loan losses and provision for impairment of investment securities & long-term investments	-	-
(Increase)/decrease in other assets	192,440,286,365	(261,969,551,779)
Changes in operating liabilities		
Increase/(decrease) in borrowings from the Government and SBV	(734,259,701,542)	1,172,436,600,710
Increase in due to banks	552,967,919,216	1,310,939,353,337
Increase/(decrease) in due to customers (including State Treasury)	(261,363,931,025)	3,776,871,421,559
Increase/(decrease) in debts issued	-	-
Increase/(decrease) in other borrowed funds	-	-
Increase/(decrease) in derivatives and other financial liabilities	-	-
Decrease in other liabilities	(131,923,189,869)	169,472,229,846
Reserves utilization in the year	-	607,773,330
Net cash flows from operating activities	(102,566,017,908)	1,700,635,217,287
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES		
Purchase of fixed assets	(28,091,146,376)	(48,502,722,959)
Proceeds from sale of fixed assets	-	-
Disbursements for sale of fixed assets	-	-
Purchase of investment property	-	-
Proceeds from sale of investment property	-	-
Disbursements for sale of investment property	-	-
Additional investments in joint ventures, associates and others	-	-
Receipts from investment in joint ventures, associates and others	-	-
Dividend receipts from long-term investments in the year	-	-
Net cash flows from investing activities	(28,091,146,376)	(48,502,722,959)

	2011	2010
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITY		
Increase in chartered capital	-	-
Proceeds from subordinated debts to increase tier 2 capital	-	-
Repayment of subordinated debts to reduce tier 2 capital	-	-
Dividends payment to shareholders	(90,000,000,000)	(45,000,000,000)
Purchase of treasury shares	-	-
Proceeds from sale of treasury shares	-	-
Net cash flows from financing activities	(90,000,000,000)	(45,000,000,000)
Net (decrease)/increase in cash and cash equivalents	(220,657,164,284)	1,607,132,494,328
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	3,499,093,678,948	1,891,961,184,620
Foreign exchange difference	-	-
Cash and cash equivalents at the end of the year	3,278,436,514,664	3,499,093,678,948

Prepared by



Mr. **Lai Van Hai**
Accountant

Hanoi, Vietnam, 15 March 2012

Approved by



Ms. **Do Thi Phuong Lan**
Acting Chief Accountant



Mr. **Nguyen Hong Tuan**
Acting General Director

1. CORPORATE INFORMATION

Bao Viet Commercial Joint Stock Bank (herein referred to as "the Bank") is a joint-stock commercial bank incorporated and registered in the Socialist Republic of Vietnam.

Establishment and Operations

The Bank is a joint-stock commercial bank established on 11th December 2008 in accordance with Operation License No 328/GP - NHNN by the State Bank of Vietnam ("the SBV").

The Bank has been established to provide banking services including receiving short, medium and long-term deposits from organizations and individuals; making short, medium and long-term loans and advances to organizations and individuals based on the nature and capability of the Bank's sources of capital; also including foreign exchange transactions, international trade financial services, discount of commercial papers, bonds and other valuable papers, and providing other banking services allowed by the State Bank of Vietnam.

Chartered capital

The initial chartered capital of the Bank was 1,500 billions VND. As at 31st December 2011, it was 1,500 billions VND (31st December 2010: 1,500 billions VND).

Location and branch network

The Head Office of Bao Viet Commercial Joint Stock Bank is located at 08 Le Thai To, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam. As at 31st December 2011, the Bank has one (1) Head Office and nine (9) branches all over Vietnam.

Employees

Total employees of the Bank as at 31st December 2011 were 646 persons (31st December 2010: 555 persons).

2. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

2.1 Statement of compliance with Vietnamese Accounting Standards and System for Credit Institutions

The Board of Management of the Bank confirms that the accompanying financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards and System for Credit Institutions in Vietnam.

2.2 Basis of presentation

The financial statements of the Bank, which are expressed in Vietnamese Dong ("VND"), are prepared in accordance with Accounting System for Credit Institutions required under Decision No. 479/2004/QD-NHNN issued on 29th April 2004 by the Governor of the State Bank of Vietnam which was enacted from 1st January 2005 and decisions on the amendment, supplement of the Decision No. 479/2004/QD-NHNN; Decision No. 16/2007/QD-NHNN issued on 18th April 2007 by the Governor of the State Bank of Vietnam; Vietnamese Accounting Standards and related regulations issued by the Ministry of Finance as:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31st December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31st December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30th December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15th February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Standards on Accounting (Series 4);

- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28th December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Standards on Accounting (Series 5).

The accompanying financial statements have been prepared using accounting principles, procedures and reporting practices generally accepted in Vietnam. Accordingly, the accompanying balance sheet, income statement, cash flow statement and notes to the financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about the Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present its financial position, financial performance and its cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.3 Fiscal year

The Bank's fiscal year applicable for the preparation of its financial statements starts on 1st January and ends on 31st December.

2.4 Accounting currency

The Bank maintains its accounting records in VND.

2.5 Use of estimation

The preparation of the financial statements requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amount of assets and liabilities and disclosure of contingent liabilities. These estimates and assumptions also affect the income and expenses and the resultant provisions. Such estimates are necessarily based on assumptions involving varying degrees of subjectivity and uncertainty and actual results may differ resulting in future changes in such provision.

Going concern

The Bank's management assessed the Bank's ability to continue as a going concern and found that the Bank has sufficient resources to continue its operation in the certain future. Furthermore, the Board of Management did not notice any material uncertainty which can affect the Bank's ability to continue as a going concern. Therefore, these financial statements are prepared on the going concern basis.

2.6 Change in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Bank in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Bank's financial statements for the financial year ended 31st December 2011 except for the changes in the accounting policy in relation to the following:

Circular No.210/2009/TT/BTC provides guidance for the adoption in Vietnam of International Financial Reporting Standards on presentation of financial statement and disclosure of financial instruments.

On 6th November 2009, the Ministry of Finance issued Circular No.210/2009/TT-BTC providing guidance for the adoption in Vietnam of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments ("Circular 210") with effectiveness from financial years beginning on or after 1st January 2011. Circular 210 provides the definitions of financial assets, financial liabilities and derivative financial instruments, equity instruments as well as presentation and disclosures of financial instruments.

The adoption of Circular 210 results in new disclosures being added to the financial statements in order to comply with Circular's requirement.

Due to Circular 210 only requires the presentation and disclosure of financial instruments, the definitions of financial assets, financial liabilities and other relevant definitions as shown in Note 39 are applicable for preparing the notes in accordance with Circular 210 only. The assets, liabilities and equities of the Bank still are recognized and accounting in accordance with the Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Accounting System applicable for financial institution and comply with the relevant statutory requirements of State Bank of Vietnam.

2.7 Loans and advances to customers

Loans and advances to customers are presented at the principal amounts outstanding at the end of financial year.

2.8 Provision for credit losses

Loans and advances to customers are classified and provided for in accordance with the Law on Credit Institutions effective from 1st October 1998; Law on Amendment and Supplementation to a number of articles of the Law on Credit Institutions effective from 1st October 2004; Decision 1627/2001/QD-NHNN dated 31st December 2001 by the Governor of the State Bank of Vietnam on lending statutory; Decision 127/2005/QD-NHNN dated 3rd February 2005 amending and supplementing Decision 1627/2001/QD-NHNN; Decision 493/2005/QD-NHNN dated 22nd April 2005 and Decision 18/2007/QD-NHNN dated 25th April 2007 by the State Bank of Vietnam on loan classification and provision. Accordingly, loans are classified into *Current*, *Special Mention*, *Substandard*, *Doubtful* and *Loss* on the basis of payment arrears status and other qualitative factors.

Net loans and advances exposure for each borrower is calculated by subtracting from the loan balance the discounted value of collateral. Decision 493/2005/QD-NHNN and Decision 18/2006/QD-NHNN stipulated specific discount rates for certain accepted collaterals.

Specific provision is created on the net loans and advances exposure of each borrower using a fixed provision rates as follows:

Group	Name	Specific provision rate
1	Current	0%
2	Special Mention	5%
3	Substandard	20%
4	Doubtful	50%
5	Loss	100%

In accordance with Decision 493/2005/QD-NHNN of the State Bank of Vietnam, loan classification is made at the end of each quarter for the first three quarters and on 30th November for the last quarter each year.

In accordance with Decision 493/2005/QD-NHNN, a general provision is made for credit losses which are yet to be identified during the loan classification and provision process and for the Bank's potential financial difficulties due to deterioration in loan quality. As such, the Bank is required to fully create and maintain a general provision at 0.75% of total loans and advances to customers; guarantees; irrevocable lending commitments and acceptance for payment which are classified from groups 1 to 4.

The provisions are recorded in the income statement as an expense and will be used to write off any credit losses incurred. According to Decision 493/2005/QD-NHNN, at the discretion of the Bank's Bad Debt Resolution Committee, the Bank can write off the loans that are classified in Group 5 and of which the borrower are bankrupted or liquidated (for corporate) or are deceased or missing (for individuals).

2.9 Trading securities

Trading securities are defined as debt securities or equity securities, and other kinds of securities that the Bank fully purchased and intended to sell in short-term in order to gain profit from price difference.

Trading securities are initially recognized at cost and subsequently carried at cost.

Interest received during the period is recognized in the income statement on cash basis.

Trading securities are subsequently subject to review for value diminution as at balance sheet date. According to 228/2009/TT-BTC dated 7th December 2009, provision for decline in value is made when book value of the securities is higher than market value. In case of undeterminable market values, there is no provision established for these securities. Provision for decline in value is recorded as "Net gain/loss from securities trading" in the income statement.

2.10 Investments in securities

2.10.1 Securities-held-to-maturity

Held-to-maturity investments securities are debt securities that the Bank fully purchased and intended to hold to maturity in order to gain interest. Held-to-maturity securities have fixed or determinable payment and fixed maturities. These should neither be sold before maturity nor transferred to trading or available-for-sale securities.

Held-to-maturity investment securities are initially recognized at par value as at the transaction date, accumulative interest before the purchasing date (for debt securities with interest payment in arrears) or prepaid interest (for debt securities with interest payment in advance) are recorded in a separated account. Any discount or premium which is the difference between par value and the amount equal to par value plus (+) accumulated interest before purchasing date (if any) or minus (-) prepaid interest waiting for amortization (if any) is recorded in a separate account.

In subsequent period, held-to-maturity investment securities are recognized at par value, any discount or surplus (if any) is amortized on income statement using straight-line method over the estimated remaining term of securities. Accrued interest income are recognized as a deduction in the carrying value of trading securities for the portion incurred before the purchasing date and as an investment income for the portion incurred since the purchasing date. Interest is accrued and recognized in to income statement using straight-line method.

Periodically, held-to-maturity securities are subject to impairment review. According to 228/2009/TT-BTC dated 7th December 2009, provision for decline in value is made when book value of the securities is higher than market value. In case of undeterminable market values, there is no provision established for these securities. Provision for decline in value is recorded as "Net gain/loss from securities investment" in the income statement.

2.10.2 Securities - available-for-sale

Available-for-sale investments include debt and equity securities that the Bank has intention to hold for investment and that are ready for trading. These securities are not frequently traded but could be sold at any time once they are profitable, and the Bank is neither founding shareholder nor strategic partner, or capable of controlling, to some extent, process of drawing deciding financial and operational policies of enterprises by a written agreement on delegating personnel to take part in Board of Directors/ Board of Management.

Equity available-for-sale securities are initially recognized at cost and subsequently carried at cost.

Debt available-for-sale securities are initially recognized at par value as at the transaction date, accumulative interest before the purchasing date (for debt securities with interest payment in arrears) or prepaid interest (for debt securities with interest payment in advance) are recorded in a separate account. Any discount or surplus which is the difference between par value and the amount equal to par value plus (+) accumulated interest before purchasing date (if any) or minus (-) prepaid interest waiting for amortization (if any) recorded in a separate account.

In subsequent period, debt available-for-sale securities are recognized at par value, any discount or surplus (if any) is amortized in income statements using straight-line method over the estimated remaining term of securities. Accrued interest income are recognized as a deduction in the carrying value of trading securities for the portion incurred before the purchasing date and as an investment income for the portion incurred since the purchasing date. Interest is accrued and recognized in to income statement using straight-line method.

Periodically, available-for-sale securities are subject to impairment review. According to 228/2009/TT-BTC dated 7th December 2009, provision for decline in value is made when book value of the securities is higher than market value. In case of undeterminable market values, there is no provision established for these securities. Provision for decline in value is recorded as "*Net gain/loss from securities investment*" in the income statement.

2.11 Repurchase and reverse repurchase agreements

Securities sold under agreements to repurchase at a specific date in the future ("repos") are not derecognized from the balance sheet. The corresponding cash received is recognized in the balance sheet as a liability item, reflecting its economic substance as a loan from the Bank. The difference between the sale price and repurchase price is treated as interest expense and is accrued over the life of the agreement using the contractual interest rate.

Conversely, securities purchased under agreements to resell at a specific date in the future ("reverse repos") are not recognized in the balance sheet. The corresponding cash paid is recognized in the balance sheet as an asset item. The difference between the purchase price and resale price is treated as interest income and is accrued over the life of the agreement using the contractual interest rate.

2.12 Other long term investments

Other long term investment represents the Bank's capital investments in other enterprises at that the Bank either owns less than 20% of voting right and is foundation shareholder; or strategic partner; or impacts on the enterprise' foundation, determines financial and operating policies under agreements with the Board of Directors/ Board of Management.

The investment is initially recognized at cost and subsequently carried at cost. Provision for impairment is booked against the investments when their market values are below their book values, and when objective evidence of long-term impairment exists.

For capital contribution at other business entities, provision for impairment is made when the investee performs at loss (except that loss was previously stipulated in the original business plan) in accordance with Circular 228/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated 7th December 2009. Accordingly, provision to be made if any is the difference between actual capital contribution of the Bank and the owner's equity of the business entity multiply by the Bank's actual holding percentage in the business entity.

2.13 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a fixed asset comprises its purchase price plus any directly attributable costs of bringing the asset to working condition for its intended use.

Cost related to additions, improvements and renewals are capitalized while expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement.

When assets are sold or liquidated, their cost and accumulated depreciation are deducted from the balance sheet item and any gains or losses resulting from their disposal are recorded to the income statement.

2.14 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortization.

The cost of an intangible fixed asset comprises of its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible fixed asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, their costs and accumulated amortization are removed from the balance sheet and any gain or loss resulting from their disposal is included in the income statement.

2.15 Depreciation and amortization

Depreciation and amortization of tangible fixed assets and intangible assets is calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of the assets, which are as follows:

Machine & equipment	4 - 8 years
Motor vehicles	6 - 8 years
Office supplies	4 - 5 years
Others intangible fixed assets	4 years
Computer software	5 years
Others tangible fixed assets	3 years

2.16 Recognition of income and expense

Interest income and expense are recognized in the income statement on accrual basis using nominal interest rate. The recognition of accrued interest income is suspended when a loan is classified from group 2 to 5 according to Decision 493/2005/QD-NHNN and Decision 18/2007/QD-NHNN. Suspended interest income is recorded off-balance sheet and recognized in income statement upon actual receipt.

Fees and commissions are recognized on cash basis.

Cash dividend income on equity investment is recognized in the income statement when the Bank's right to receive the payment is established. For the share dividend and bonus share received, the Bank does not recognize revenue based on face value of the shares but only updates the number of shares.

2.17 Foreign currency transactions

The Bank maintains its accounting system and records all transactions in original currencies and translates into VND at the end of each business day. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies at year-end are translated into VND using exchange rates ruling at the balance sheet date (see list of exchange rates of applicable foreign currencies against VND as at 31st December in Note 42). Income and expenses arising in foreign currencies during the year are converted into VND at rates ruling at the transaction dates. Unrealized foreign exchange differences arising from the translation of monetary assets and liabilities at the balance sheet date are recognized in the income statement.

2.18 Enterprise income taxes

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be paid to (or recovered from) the taxation authorities. The tax rates and tax laws are applied and enacted at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Bank to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Bank intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The Bank's tax returns are subject to examination by the tax authorities. Due to the ambiguity associated with the applicability of tax laws and regulations in Vietnam, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the balance sheet liability method on temporary differences between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purpose at the balance sheet date.

Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences, except:

- Where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- In respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which these deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except:

- Where the deferred tax arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- In respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognized only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilized.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profits will be available to allow all or part of the asset to be recovered. Unrecognized deferred income tax assets are reassessed at each balance sheet date and are recognized to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset realized or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxable entity and the same taxation authority and the Bank intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

2.19 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents as referred to in the cash flow statement comprises cash, gold, jewellery, gemstones, current accounts with the SBV, Government bills and other short-term valuable papers eligible for rediscount with the SBV and amounts due from banks on demand or with a maturity of less than and equal to three months from the date of deposits and investments in securities with a maturity of less than and equal to three months from the date of acquisition.

2.20 Fiduciary assets

Assets held in a fiduciary capacity are not reported in the financial statements as they are not assets of the Bank.

2.21 Provision for off-balance-sheet commitments

According to Decision 493/2005/QD-NHNN and Decision 18/2007/QD-NHNN by the SBV, credit institutions must classify and make provision for guarantees, payment acceptances, and non-cancelable loan commitments with specific effective date (generally called off-balance-sheet commitments) into groups, namely Current, Special Mention, Substandard, Doubtful and Loss based on the overdue status and other qualitative factors.

Specific and general provision for off-balance-sheet commitments is calculated similarly to the provision for loans and advances to customers as described in Note 8. Provision expense is recorded as "Provision expense for credit loss" on the income statement and provision balance is recorded in other liabilities in the balance sheet.

2.22 Receivables

Receivables from customer and other receivables are initially recognized at cost as at the transaction date and subsequently carried at cost less provision for bad debts (if any).

Overdue receivables are subject to impairment provision which is made based on the overdue status. For current receivables, provision still is assessed and made based on the expected loss for the following cases: institutional debtors which have fallen in bankruptcy or have been in the process of dissolution; missing, escaped, prosecuted, on trial or deceased individual debtors. Provision expense incurred is recorded as general and administrative expense in the income statement during the year.

With overdue receivables, the Bank creates the provision for doubtful debts in accordance with Circular No 228/2009/TT-BTC by Ministry of Finance dated 7th December 2009. Accordingly, the provision rates are applied as follows:

Overdue period	Level of provision
From six (6) months to less than one (1) year	30%
From one (1) to less than two (2) years	50%
From two (2) to less than three (3) years	70%
Over three (3) years	100%

2.23 Derivatives

2.23.1 Forward, swap, and future contracts

For foreign currency forward, swap and future contracts, the difference between equivalent VND amounts of foreign currency commitments to buy/sell using forward exchange rate and spot exchange rate as at effective date of the contract is recognized immediately as at the effective date of the contract in line "Derivative instruments and other financial assets" as an asset when it is positive, and in line "Derivatives instruments and other financial liabilities" as liabilities when it is negative. The difference is subsequently amortized in the income statements as "Net gain/loss from dealing in foreign currencies" using straight-line method over the term of the contracts. As at the balance sheet date, commitments of foreign currency forward, swap and future contracts are re-measured using the official inter-bank exchange rate announced by the State Bank of Vietnam. Gain or loss from revaluation is recorded in "Net gain/loss from trading of foreign currencies".

2.23.2 Currency option contracts

Commitment amount for the currency option contracts is not recognized in the balance sheet. The fee paid or received is recorded as receivable or payable from/to derivative transactions, and is amortized to income or expense in the year using straight-line method over the maturity of the contracts. As at the balance sheet date, unrealized gain or loss arising from selling/buying option contracts are determined based on market value, cost of the contract, sales volume and maturity of the contract, and recorded in the separate income statements in "Net gain/loss from dealing in foreign currencies".

2.24 Offsetting

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset financial assets against financial liabilities or vice-versa, and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the asset and settle the liability simultaneously.

2.25 Employee benefits

2.25.1 Post employment benefits

Post employment benefits are paid to retired employees of the Bank by the social insurance agency which belongs to the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs. The Bank is required to contribute to these post employment benefits by paying social insurance premiums to the social insurance agency at the rate of 16% of employee basic salaries on a monthly basis. The Bank has no further obligation concerning post employment benefits for its employees other than this.

2.25.2 Voluntary resignation and retrenchment benefits

Voluntary resignation benefits: the Bank has the obligation, under Section 42 of the Vietnam Labor Code amended on 2nd April 2002, to pay allowance arising from voluntarily resignation of employees, equal to one-half month's salary for each year of employment plus salary allowances (if any). The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting period following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date.

Retrenchment benefits: the Bank has the obligation, under Section 17 of the Vietnam Labor Code, to pay allowance to employees who are retrenched as a result of organizational restructuring or technological changes. In such case, the Bank shall pay to employees an allowance for loss of work equivalent to the aggregate amount of one month's salary for each year of employment, but no less than two months' salary.

2.25.3 Unemployment allowance

According to Social Insurance Law and Decree No. 127/2008/ND-CP dated 12th December 2008 by the Government, the Unemployment insurance fund is implemented from 1st January 2009, to which, employees contribute 1% of their salary, employers contribute 1% of salary of their employees participating in the unemployment insurance, and the Government contributes 1% of salary of all those participating in the unemployment insurance from the State budget.

BAOVIET  **Bank**

NGÂN HÀNG BẢO VIỆT

BAO VIET Bank | Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84 - 4 - 3928 8989, Fax: 84 - 4 - 3928 8899
www.baovietbank.vn